

UBND TỈNH HẢI DƯƠNG

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HẢI DƯƠNG

HÀ THỊ LAN ANH

QUẢN LÝ CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU KINH
TẾ NÔNG NGHIỆP THEO HƯỚNG PHÁT
TRIỂN BỀN VỮNG TẠI HUYỆN NINH GIANG,
TỈNH HẢI DƯƠNG

ĐỀ ÁN TỐT NGHIỆP THẠC SĨ QUẢN LÝ KINH TẾ

HẢI DƯƠNG, 2025

UBND TỈNH HẢI DƯƠNG

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HẢI DƯƠNG

HÀ THỊ LAN ANH

**QUẢN LÝ CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU KINH
TẾ NÔNG NGHIỆP THEO HƯỚNG PHÁT
TRIỂN BỀN VỮNG TẠI HUYỆN NINH GIANG,
TỈNH HẢI DƯƠNG**

Chuyên ngành: Quản lý kinh tế
Mã số: 8310110

ĐỀ ÁN TỐT NGHIỆP THẠC SĨ QUẢN LÝ KINH TẾ

Người hướng dẫn khoa học:
1. Tiến sĩ Phạm Đức Minh
2. Tiến sĩ Lê Thị Nguyệt

HẢI DƯƠNG, 2025

MỞ ĐẦU

1. Lý do lựa chọn đề án

Sau gần 40 năm thực hiện công cuộc đổi mới đất nước, với sự nỗ lực cao của Chính phủ, các bộ ngành đặc biệt là sự quan tâm, lãnh đạo đúng đắn của Đảng nền kinh tế nông nghiệp nông thôn nước ta đã ngày càng phát triển, tăng trưởng nhanh và đạt được nhiều thành tựu to lớn nhất định, giá trị sản xuất, giá trị xuất khẩu tăng trưởng nhanh, cơ cấu kinh tế chuyển đổi tích cực, đảm bảo an ninh lương thực thực phẩm quốc gia, đời sống nhân dân được nâng cao.

Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng cộng sản Việt Nam đã nhấn mạnh: “Đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp và nông thôn, giải quyết đồng bộ các vấn đề nông nghiệp, nông thôn và nông dân”¹. Chính vì vậy trong quá trình lãnh đạo, Đảng ta luôn quan tâm cho đầu tư, phát triển kinh tế nông nghiệp, nông thôn theo hướng phát triển bền vững. Áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật, nâng cao năng suất, chất lượng và sức cạnh tranh của sản phẩm, tăng nhanh tỷ trọng giá trị sản phẩm và lao động các ngành công nghiệp và dịch vụ... Trong những năm qua cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn ở nước ta về cơ bản đã chuyển sang sản xuất hàng hoá theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

Chính vì vậy để từng bước thích ứng với cơ chế thị trường nâng cao đời sống vật chất tinh thần cho người dân, phấn đấu vì mục tiêu “Dân giàu nước mạnh, xã hội dân chủ, công bằng văn minh”, “Xây dựng một nền nông nghiệp phát triển toàn diện theo hướng hiện đại, bền vững sản xuất hàng hóa lớn có năng suất, chất lượng hiệu quả cạnh tranh cao, đảm bảo vững chắc an ninh lương thực quốc gia trước mắt và lâu dài...” theo tinh thần của Nghị quyết Hội

¹ Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ X, NXB Chính trị Quốc gia 2006, tr.88

ng nghị lần VII Ban chấp hành Trung ương khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn (Nghị quyết số 26-NQ/TU về nông nghiệp nông dân nông thôn của Ban chấp hành Trung ương ban hành ngày 05/08/2008) thì điều cơ bản đầu tiên là phải thay đổi cơ cấu phát triển nền kinh tế nông nghiệp đặc biệt là chuyển dịch cơ cấu cây trồng vật nuôi theo hướng tích cực và bền vững. Trong đó thực tiễn đã tìm được những loại cây trồng mới, những giống vật nuôi mới phù hợp với đặc điểm điều kiện của từng vùng, từng địa phương đồng thời phải có những sản phẩm thích ứng phù hợp với nhu cầu của thị trường là một yêu cầu khách quan.

Bên cạnh đó tuy có nhiều lợi thế về điều kiện tự nhiên và có tiềm năng phát triển kinh tế nhưng trong những năm vừa qua huyện Ninh Giang cũng gặp rất nhiều khó khăn, thách thức thời tiết thay đổi khắc nghiệt, còt đất không đồng đều, song song đó trình độ dân trí còn thấp nên gặp nhiều khó khăn trong áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ cao vào trong sản xuất, kết cấu hạ tầng kinh tế kỹ thuật còn nghèo nàn lạc hậu, máy móc trang thiết bị phục vụ cho sản xuất còn hạn chế, lực lượng lao động trẻ có trình độ kiến thức không thiết tha với sản xuất nông nghiệp, vốn đầu tư sản xuất chưa nhiều...Đồng thời khi thu hoạch sản phẩm giá cả nông sản bấp bênh, thị trường nhiều biến động, cộng với cây trồng vật nuôi thường xuyên bị dịch bệnh làm cho đời sống của người dân đã khó khăn nay càng khó khăn hơn.

Trước những khó khăn thách thức, trở ngại như vậy. Địa phương cần phải tiếp tục chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp theo hướng hiệu quả hơn. Đây là việc hết sức cần thiết góp phần nâng cao năng suất hiệu quả, tăng thu nhập cho từng hộ gia đình cũng như cho địa phương.

Là công chức đã công tác nhiều năm tại phòng Nông nghiệp và PTNT huyện Ninh Giang, nhận thấy vấn đề chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp của huyện còn cần nghiên cứu, trao đổi, trong khi đó cũng chưa có đề

tài nào nghiên cứu cụ thể vấn đề này ở huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương. Xuất phát từ vấn đề quan trọng trên, tác giả đã chọn đề án “*Quản lý chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp theo hướng phát triển bền vững tại huyện Ninh Giang tỉnh Hải Dương*” là đề tài đề án thạc sỹ quản lý kinh tế.

2. Tổng quan các công trình nghiên cứu có liên quan đến đề tài nghiên cứu

Chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp theo hướng phát triển bền vững không phải là đề tài mới, đến nay đã có nhiều công trình nghiên cứu được công bố dưới các hình thức như: bài tạp chí, sách tham khảo, luận văn/đề án, đề tài khoa học... Sau một thời gian nghiên cứu các tài liệu, học viên đã tìm hiểu và tham khảo một số công trình nghiên cứu khoa học liên quan tới đề tài. Trong đó, có một số bài báo, công trình khoa học tiêu biểu như:

GS, TS, NGND Trần Đức Viên và cộng sự (2024) Phát triển bền vững nông nghiệp, kinh tế nông thôn và nông dân sau gần 40 năm đổi mới. Tạp chí Cộng sản điện tử.

ThS Cán Thị Thuỳ Linh (2021) Đẩy mạnh chính sách chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp từ thực tiễn huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội. Tạp chí Công thương điện tử.

Đỗ Thị Mai (2019), *Quản lý nhà nước về chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp tại huyện Mê Linh thành phố Hà Nội*, Luận văn thạc sỹ quản lý công, Học viện Hành chính Quốc gia. Tác giả đã xây dựng luận văn trên cơ sở phân tích thực trạng quản lý nhà nước về chuyển dịch cơ cấu kinh tế trên địa bàn huyện Mê Linh và đưa ra các giải pháp góp phần nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp nói riêng và phát triển bền vững ngành nông nghiệp nói chung trên địa bàn huyện Mê Linh.

Trần Thị Hạnh Nguyên (2019), *Chuyển dịch cơ cấu kinh tế ngành nông nghiệp trên địa bàn huyện Phú Bình tỉnh Thái Nguyên*, Luận văn thạc sỹ

kinh tế nông nghiệp, Trường Đại học Nông lâm Thái Nguyên. Tác giả tập trung phân tích nội dung của chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp trên địa bàn huyện Phú Bình tỉnh Thái Nguyên, đánh giá thuận lợi khó khăn và đưa ra các giải pháp nhằm thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp.

Ngô Trần Hỷ (2018), *Quản lý nhà nước đối với chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp trên địa bàn huyện An Biên tỉnh Kiên Giang*, Luận văn thạc sĩ quản lý công, Học viện Hành chính Quốc gia. Tác giả đã xây dựng luận văn trên cơ sở phân tích thực trạng quản lý nhà nước về chuyển dịch cơ cấu kinh tế trên địa bàn huyện An Biên và đưa ra các giải pháp góp phần nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp nói riêng và phát triển bền vững ngành nông nghiệp nói chung trên địa bàn huyện An Biên.

Nhìn chung các công trình đã đưa ra được lý luận cơ bản về chuyển dịch cơ cấu kinh tế cũng như hoạt động quản lý của nhà nước về vấn đề này. Các công trình cơ bản đã nêu ra được thực trạng và một số giải pháp nâng cao hiệu quả chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp ở Việt Nam và một số địa phương. Tuy nhiên chưa có công trình nào đi sâu vào nghiên cứu vấn đề quản lý chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp theo hướng phát triển bền vững ở huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương.

Vì vậy, trên cơ sở tiếp thu có chọn lọc những giá trị mà các công trình đã công bố về lý luận và thực tiễn, đồng thời tiến hành khảo sát thực tế trên địa bàn huyện Ninh Giang, học viên có đưa ra được hệ thống cơ sở lý luận và thực tiễn trong quản lý về chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp theo hướng phát triển bền vững tại huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương.

3. Mục tiêu của đề án:

3.1. Mục tiêu chung:

Đánh giá thực trạng chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp tại huyện Ninh Giang giai đoạn 2021- 2024, chỉ ra được những ưu điểm cần phát huy, những hạn chế, yếu kém cần khắc phục, từ đó đề xuất các giải pháp hoàn thiện quản lý về chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp theo hướng phát triển bền vững tại huyện Ninh Giang.

3.2. Mục tiêu cụ thể

- Hệ thống hóa những vấn đề lý luận về chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp; tìm hiểu kinh nghiệm của một số địa phương trong cả nước về chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp theo hướng phát triển bền vững nhằm rút ra các bài học kinh nghiệm cho huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương.

- Phân tích đánh giá các điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của huyện có ảnh hưởng đến chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp; Đánh giá thực trạng về chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp nhằm tìm ra những hạn chế, nguyên nhân của những hạn chế trong quản lý nhà nước về chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp trên địa bàn.

- Đề xuất một số giải pháp nhằm chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp theo hướng phát triển bền vững tại huyện Ninh Giang.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của đề án

4.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của đề án là quản lý chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp theo hướng phát triển bền vững.

4.2. Phạm vi nghiên cứu

- *Về nội dung nghiên cứu:* Đề án tập trung nghiên cứu cơ sở lý luận, về quản lý chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp cấp huyện, các nhân tố ảnh hưởng, thực trạng và các giải pháp tại huyện Ninh Giang, kết quả đạt được, hạn chế và nguyên nhân của hạn chế; đề ra một số giải pháp.

- *Về phạm vi không gian nghiên cứu:* Tại huyện Ninh Giang, tỉnh Hải

Dương.

- *Về thời gian nghiên cứu:* Đề án thu thập các dữ liệu trong giai đoạn 2021-2024, đề xuất phương hướng, giải pháp cho giai đoạn tiếp theo.

5. Phương pháp nghiên cứu

5.1 Phương pháp thu thập dữ liệu

- Phương pháp nghiên cứu và tổng hợp lý thuyết; nghiên cứu tài liệu (sách báo, tạp chí, các công trình khoa học...) thực tế từ đó xây dựng khung lý thuyết;

- Phương pháp thu thập dữ liệu thứ cấp để làm rõ thực trạng thông qua các báo cáo tổng kết nông nghiệp tại huyện Ninh Giang giai đoạn 2021-2024; Báo cáo thống kê tình hình phát triển kinh tế - xã hội năm 2021 - 2024 tại huyện Ninh Giang; Báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội của UBND huyện Ninh Giang.

5.2 Phương pháp xử lý dữ liệu

Đề án sử dụng phương pháp tổng hợp, so sánh để làm rõ thực trạng quản lý chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp theo hướng phát triển bền vững tại huyện Ninh Giang làm cơ sở đề xuất giải pháp hoàn thiện quản lý chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp.

6. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề án

6.1 Ý nghĩa khoa học

Sau khi nghiên cứu thành công, đề án sẽ góp phần làm rõ thêm các vấn đề lý luận về chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp;

6.2 Ý nghĩa thực tiễn:

Kết quả nghiên cứu về thực trạng chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, là cơ sở đề xuất được những giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp tại huyện Ninh Giang; có ý nghĩa trong việc áp dụng thực hiện đối với các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh Hải Dương.

Đề án có thể sử dụng làm tài liệu nghiên cứu, tham khảo trong việc xây dựng các chính sách về thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp.

7. Kết cấu của đề án

Ngoài phần mở đầu, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo, nội dung đề án gồm 3 chương:

Chương 1: Cơ sở lý luận và kinh nghiệm thực tiễn quản lý chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp theo hướng phát triển bền vững cấp huyện.

Chương 2. Thực trạng quản lý chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp theo hướng phát triển bền vững tại huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương.

Chương 3: Đề xuất giải pháp hoàn thiện quản lý chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp theo hướng phát triển bền vững tại huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương.

CHƯƠNG 1

CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ KINH NGHIỆM THỰC TIỄN QUẢN LÝ CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU KINH TẾ NÔNG NGHIỆP THEO HƯỚNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

1.1 Khái niệm, vai trò, điều kiện quản lý chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp theo hướng phát triển bền vững.

1.1.1 Khái niệm

a. Cơ cấu kinh tế, cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn và chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn.

**** Cơ cấu kinh tế.***

- Khái niệm cơ cấu kinh tế là tổng thể các mối quan hệ chủ yếu về chất lượng và số lượng tương đối ổn định của các yếu tố, các bộ phận của lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất trong hệ thống tái sản xuất xã hội trong những điều kiện kinh tế xã hội, trong những không gian, thời gian nhất định.

C.Mác cũng chú ý đến cả hai mặt chất và lượng của cơ cấu kinh tế theo ông cơ cấu kinh tế là “Một sự phân chia về chất và một tỷ lệ phân chia về số lượng của quá trình sản xuất xã hội”².

**** Cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn***

+ Cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn là tổng thể các mối quan hệ các yếu tố hợp thành nền nông nghiệp theo những quan hệ tỷ lệ nhất định và có sự tác động lẫn nhau, gắn liền với những điều kiện lịch sử cụ thể, nhằm thực hiện có hiệu quả những mục tiêu đã được xác định.

Cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn gồm nhiều bộ phận hợp thành song quan trọng là các bộ phận cơ bản sau:

² C.Mác. Tư sản. QII, TII, Nxb Sự thật. Hà Nội 1975, tr.102

+ Môi quan hệ tỷ lệ giữa các phân ngành trồng trọt, chăn nuôi, dịch vụ nông nghiệp.

+ Cơ cấu vùng lãnh thổ: Sự phân công lao động theo ngành, tất yếu kéo theo sự phân công lao động theo vùng lãnh thổ, đó là tính hai mặt của một quá trình. Sự phân công theo ngành bao giờ cũng diễn ra, trên những vùng lãnh thổ nhất định tức là việc bố trí trồng cụ thể cây gì? Nuôi coi gì cho phù hợp với điều kiện tự nhiên, dân số, lao động, trình độ, tập quán canh tác, điều kiện thị trường...

+ Cơ cấu thành phần kinh tế: Đặc trưng và việc sử dụng các thành phần kinh tế trong thời kỳ quá độ cũng thể hiện trong lĩnh vực nông nghiệp. Tuy nhiên, ở nông nghiệp có những nét đặc thù không hoàn toàn giống như trong công nghiệp và dịch vụ. Chủ thể tham gia trực tiếp sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực Nông nghiệp chủ yếu là các hộ nông dân, các hộ này hoặc là làm ăn riêng lẻ hoặc liên kết với nhau trong mô hình kinh tế hợp tác.

+ Cơ cấu kỹ thuật: Khác với công nghiệp và dịch vụ, cơ cấu kỹ thuật trong nông nghiệp mang tính chất cổ truyền kỹ thuật và còn lạc hậu, cấu tạo hữu cơ thấp xa so với công nghiệp sản xuất nông nghiệp còn phụ thuộc vào tự nhiên, phương thức canh tác chậm đổi mới, hạ tầng kỹ thuật hết sức khó khăn, bảo quản, chế biến sản phẩm sau thu hoạch ít được quan tâm vv...

*** Chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn.**

- Chuyển dịch cơ cấu kinh tế: chuyển dịch cơ cấu kinh tế là quá trình tác động có hướng của các chủ thể quản lý kinh tế, nhằm biến đổi từ một cơ cấu kinh tế lạc hậu, kém hiệu quả sang một cơ cấu kinh tế mới hợp lý hơn, tiến bộ hơn, hiệu quả hơn. Đó là quá trình tác động liên tục, tổng hợp trên nhiều phương diện ở cả cấp vĩ mô và vi mô.

+ Chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp nông thôn phải đảm bảo tăng được chất lượng và giá trị sản phẩm, hàng hoá nông nghiệp nhưng giảm tỷ trọng của ngành nông nghiệp trong cơ cấu nền kinh tế quốc dân một cách khoa học, hợp lý, mặt khác cơ cấu trong khối ngành nông nghiệp cũng phải chuyển dịch theo hướng giảm cơ cấu giá trị ngành trồng trọt, tăng giá trị ngành chăn nuôi, dịch vụ chế biến và xuất khẩu, xong phải ổn định về lương thực và đảm bảo vững chắc an ninh lương thực quốc gia.

+ Trong thực tế để đánh giá trình độ và hiệu quả của việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp phải sử dụng một hệ thống các chỉ tiêu như: cơ cấu giá trị sản xuất, cơ cấu lao động, cơ cấu vốn đầu tư, năng suất lao động....

b. Quản lý nhà nước về chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp.

** Quản lý nhà nước*

Quản lý nhà nước là một dạng quản lý xã hội đặc biệt, mang tính quyền lực nhà nước và sử dụng pháp luật nhà nước để điều chỉnh hành vi hoạt động của con người trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội do các cơ quan trong Bộ máy nhà nước thực hiện, nhằm thỏa mãn nhu cầu hợp pháp của con người, duy trì sự ổn định và phát triển của xã hội.

Quản lý nhà nước là sự tác động mang tính quyền lực - tổ chức của các cơ quan nhà nước, sự quản lý của các cá nhân có thẩm quyền đến các đối tượng bị quản lý nhằm đạt được các mục tiêu mà chủ thể quản lý nhà nước đã đặt ra ngay từ đầu.

** Quản lý nhà nước về chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp*

Quản lý nhà nước về chuyển dịch cơ cấu kinh tế là sự tác động của Nhà nước đến quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế làm biến đổi về lượng, thay đổi mối quan hệ về chất của các bộ phận hợp thành cơ cấu kinh tế, tạo nên một cơ cấu kinh tế phù hợp theo định hướng nhằm đạt mục tiêu mà Nhà nước đề ra.

Quản lý nhà nước về chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp là quá trình tác động của các cơ quan chức năng tới sự phát triển của các ngành kinh tế thuộc lĩnh vực nông nghiệp để làm cho sự tăng trưởng giữa các ngành và các mối quan hệ tương tác giữa chúng có sự khác biệt so với giai đoạn trước theo xu hướng phù hợp hơn với tình hình và điều kiện phát triển của nền kinh tế nước ta. Quản lý nhà nước về chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp sẽ tạo cơ sở giúp sự chuyển dịch theo hướng tiến bộ hơn mang lại nhiều kết quả kinh tế mong muốn trong giai đoạn tiếp theo. Thông qua công tác quản lý, các công cụ chính sách kinh tế xã hội cơ cấu kinh tế nông nghiệp sẽ tăng trưởng theo hướng bền vững hơn tạo ra năng suất cao hơn cho nền nông nghiệp.

c. Phát triển bền vững

Phát triển bền vững trong lĩnh vực Nông - Lâm - Ngư là bảo tồn đất đai, nguồn nước, các nguồn di truyền động thực vật, là môi trường không suy thoái, kỹ thuật phù hợp, kinh tế phát triển và một xã hội chấp nhận được (FAO, 1991)

Một nền nông nghiệp được gọi là bền vững khi nó hội tụ đủ các yếu tố sau:

- + Đảm bảo đủ nhu cầu về lương thực, thực phẩm cho toàn xã hội, phát triển nông nghiệp đáp ứng cho nhu cầu đời nay mà không ảnh hưởng đến khả năng đáp ứng nhu cầu của đời sau. Thực hiện xoá đói giảm nghèo và công bằng xã hội.

- + Đó là một nền sinh thái hội đủ các yếu tố đa dạng sinh học. Phát triển nhưng bảo tồn được tài nguyên thiên nhiên.

- + Đó là nền nông nghiệp sản xuất có hiệu quả nhất, bền vững nhất về kinh tế. Đó là nền nông nghiệp khai thác hài hoà tự nhiên trong mối quan hệ bền vững với con người cho hiện tại và nhu cầu của đời sau.

Mục đích của nông nghiệp bền vững là kiến tạo một hệ thống nông nghiệp bền vững về mặt sinh thái, có tiềm lực về mặt kinh tế, có khả năng thoả mãn những nhu cầu ngày càng tăng của con người mà không làm suy thoái đất, không làm ô nhiễm môi trường trên cơ sở sử dụng hợp lý tài nguyên.

Việc lạm dụng hoá chất trong sản xuất nông nghiệp đã làm hỏng cấu trúc đất, làm phương hại đến tập đoàn vi sinh vật - phần sống của đất, làm ô nhiễm nguồn nước. Việc công nghiệp hoá nông nghiệp với mục đích săn tìm lợi nhuận tối đa đã làm phá sản hàng triệu nông dân nghèo, đẩy họ ra thành phố bổ sung vào đội quân thất nghiệp vốn đã đông đảo ở đây, làm trầm trọng hơn các tệ nạn xã hội và nạn ô nhiễm môi trường đô thị.

Vì vậy, nông nghiệp bền vững chủ trương tiêu dùng tiết kiệm năng lượng, tăng cường sử dụng năng lượng tự nhiên sạch, tái sinh năng lượng...

1.1.2 Sự cần thiết phải chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn ở Việt Nam.

Những năm qua dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam trong phát triển nông nghiệp và công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông thôn đã đảm bảo được ổn định lương thực cho toàn xã hội và xuất khẩu được một lượng khá lớn (Bình quân 3,5 - 4 triệu tấn gạo/năm) nhiều mặt hàng nông sản đã có chỗ đứng trên thị trường thế giới, tạo ra khối lượng lớn công ăn việc làm cho người lao động, thu được ngoại tệ đáng kể do xuất khẩu nông sản Đây là cơ sở, tiền đề thuận lợi cho bước phát triển tiếp theo. Tuy nhiên bên cạnh những kết quả đạt được báo cáo tại Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ X cũng đã nêu ra những yếu kém. “Trong nông nghiệp, sản phẩm chưa gắn kết chặt chẽ và có hiệu quả cao với thị trường; việc đưa tiến bộ khoa học công nghệ vào sản xuất còn chậm; công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp và nông

thôn vẫn còn lúng túng”³, qua thực tế ra nhận thấy nông nghiệp, nông thôn Việt Nam còn một mặt yếu cơ bản như:

+ Chưa khai thác và sử dụng có hiệu quả nguồn tài nguyên thiên nhiên, chưa thực sự khai thác hết lợi thế so sánh của từng vùng để tạo ra các sản phẩm có lợi ra các sản phẩm có lợi thế cạnh tranh trên thị trường.

+ Lực lượng lao động nông thôn dồi dào nhưng thiếu trình độ, tỷ lệ lao động chưa qua đào tạo còn cao.

+ Trình độ ứng dụng khoa học trong nhiều lĩnh vực nông nghiệp còn thấp về năng xuất, chất lượng dẫn đến khả năng cạnh tranh của đa số hàng nông sản khó cạnh tranh tiêu thụ trên thị trường.

+ Thị trường tiêu thụ nông sản gặp nhiều khó khăn, ở trong nước thì “được mùa rớt giá”, thị trường nước ngoài không ổn định.

+ Cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất và đời sống cho người nông dân còn yếu kém, chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển, sản xuất theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

- Trước thực trạng nông nghiệp và nông thôn Việt Nam hiện nay, thực hiện chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn theo hướng phát triển bền vững sẽ giúp cho nông nghiệp nông thôn có bước phát triển nhanh, vững chắc, đạt được các mục tiêu mà Đảng và Nhà nước đề ra, góp phần công nghiệp hóa, hiện đại hoá.

1.1.3 Vai trò quản lý trong chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp.

Đối với nền nông nghiệp nước ta hiện nay, trong giai đoạn hội nhập kinh tế quốc tế, vai trò quản lý nhà nước lại càng có ý nghĩa quyết định. Vai trò này thể hiện qua các hoạt động: Tạo môi trường, điều kiện thuận lợi về mọi mặt: chính trị, pháp lý, kinh tế, xã hội cho sản xuất, kinh doanh nông nghiệp phát triển;

³ Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X, Nxb Chính trị quốc gia 2006, tr.164.

Hướng dẫn, hỗ trợ các quá trình sản xuất nông nghiệp, kinh doanh sản phẩm nông nghiệp của dân cư, doanh nghiệp theo định hướng của Đảng, Nhà nước để đạt giá trị cao;

Xây dựng và thực hiện các chính sách kinh tế, xã hội và khắc phục những bất cập về mặt xã hội của những chính sách kinh tế trong nông nghiệp;

Kiểm tra, kiểm soát, điều tiết các hoạt động nông nghiệp nhằm duy trì sự phát triển bền vững của ngành nông nghiệp, bảo vệ tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường sinh thái, gắn tăng trưởng kinh tế với công bằng xã hội.

Như vậy, quản lý nhà nước nói chung hay quản lý nhà nước trong chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp nói riêng đều có vai trò hết sức to lớn. Quản lý nhà nước thông qua các hoạt động quản lý, các công cụ chính sách kinh tế xã hội sẽ đưa cơ cấu kinh tế nông nghiệp tăng trưởng theo hướng bền vững hơn tạo ra năng suất cao hơn cho nền nông nghiệp và cải thiện đời sống nông dân.

1.2 Các nhân tố ảnh hưởng đến chuyển dịch cơ cấu kinh tế

1.2.1 Các nhân tố ảnh hưởng đến sự hình thành và chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp.

a. Nhóm nhân tố thuộc về vị trí địa lý và điều kiện tự nhiên.

Chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp phụ thuộc rất lớn vào vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên như: đất đai, khí hậu, nguồn nước... Đối tượng của sản xuất nông nghiệp là những cây trồng, vật nuôi là những cơ thể sống và phụ thuộc nhiều vào điều kiện tự nhiên. Sự tác động của nhóm nhân tố điều kiện tự nhiên mang tính thường xuyên và có tính quyết định đối với cơ cấu cũng như sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, trước hết là cơ cấu ngành. Trong điều kiện thiên nhiên, nhân tố thời tiết khí hậu, nguồn nước có tầm quan trọng đặc biệt, đồng thời cũng thường xuyên gây nên những rủi ro đối với sản xuất nông nghiệp.

b. Nhóm nhân tố kinh tế

Nhóm nhân tố này bao gồm nhiều loại:

Một là, nhân tố lực lượng lao động: Trong nhân tố này, số lượng, chất lượng, cơ cấu của lực lượng lao động có ý nghĩa lớn hơn. Chỉ với một số lượng lao động nhất định mới có thể thực hiện thâm canh tăng năng suất. Chỉ có đội ngũ lao động có chất lượng cao với cơ cấu hợp lý mới có khả năng thực hiện cơ giới hoá, hiện đại hoá và áp dụng với những thành tựu công nghệ sinh học vào nông nghiệp.

Hai là, nhân tố cơ sở vật chất kỹ thuật: Là nhân tố có tính quyết định đến chuyển dịch cơ cấu kinh tế nói chung, cơ cấu kinh tế nông nghiệp nói riêng. Nó bao gồm kết cấu hạ tầng kỹ thuật kinh tế, chất lượng, số lượng, cơ cấu tư liệu sản xuất. Các yếu tố này tác động trực tiếp đối với năng suất, chất lượng, hiệu quả, từ đó tác động đến phân công lao động, bố trí lao động.

Ba là, nhân tố vốn đầu tư: Vốn là nhân tố có tính quyết định cuối cùng tới việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp. Nhờ có vốn đầu tư mới có thể giải quyết được vấn đề tăng cường cơ sở vật chất kỹ thuật, áp dụng những thành tựu của cách mạng khoa học - công nghệ sản xuất. Để có được vốn đầu tư, ngoài nguồn vốn ngân sách cần có chính sách huy động các nguồn vốn để thực hiện các chương trình, đề án chuyển đổi giống cây trồng, vật nuôi, công nghệ sau thu hoạch nhằm nâng cao năng suất, chất lượng, chủng loại sản phẩm phù hợp với nhu cầu, thị hiếu của người tiêu dùng.

Bốn là, nhân tố thị trường: Việc xây dựng cơ cấu cũng như chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp trong nền kinh tế thị trường, dù ở trình độ nào thì cũng phải quán triệt các vấn đề cơ bản. Đó là sản xuất cái gì, sản xuất cho ai, số lượng và chất lượng phải do thị trường quyết định.

c. Nhóm nhân tố văn hoá - xã hội, chính trị .

- *Nhân tố văn hoá - xã hội*: Việc chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp gắn với nông thôn, trong khi đó ở nông thôn còn nhiều phong tục tập quán, lối sống bảo thủ, lạc hậu. Do vậy, khi đề ra phương án trồng cây gì, nuôi con gì phải được điều tra kỹ lưỡng về hiệu quả cũng như đầu ra cho sản phẩm, phát huy tiềm năng và phương thức sản xuất truyền thống, tập quán trồng trọt và chăn nuôi của địa phương.

- *Về nhân tố chính trị*: Thực hiện chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp theo hướng công nghiệp hoá - hiện đại hoá cần có sự ổn định chính trị - xã hội. Về điểm này, chúng ta có Đảng lãnh đạo bằng đường lối, chính sách phát triển kinh tế xã hội đúng đắn thông qua việc vận dụng sáng tạo lý luận Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh và kinh nghiệm quốc tế vào thực tiễn Việt Nam .

Chuyển dịch cơ cấu kinh tế nói chung, chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp nói riêng là vấn đề có tính then chốt với nền kinh tế. Do vậy, cần phải có vai trò Nhà nước trong việc can thiệp vào quá trình này thông qua hệ thống công cụ quản lý vĩ mô của mình nhằm thực hiện có hiệu quả chức năng quản lý.

d. Các yếu tố liên quan đến công tác quản lý

- Định hướng của nhà quản lý: Sự tác động của hoạt động quản lý tới chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp trước hết thể hiện ở việc định hướng của chính quyền tới chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp. Đó là việc chính quyền sẽ định ra một hướng đi với những lộ trình cụ thể để việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp có những bước đi chủ động và khoa học. Thông qua việc hình thành chiến lược, quy hoạch, kế hoạch cho từng thời kỳ, chính quyền địa phương sẽ định hướng cho việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp của địa phương nơi mình quản lý.

- Các công cụ quản lý: Thông qua các công cụ bao gồm chính sách, nguồn nhân lực, bộ máy,... hoạt động chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp

sẽ được thực hiện một cách đồng bộ có hiệu quả. Nhờ vậy nền nông nghiệp tăng trưởng theo hướng bền vững hơn tạo ra năng suất cao hơn.

Một số chính sách có tác dụng trực tiếp đến chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, đó là: Chính sách thuế, chính sách đất đai, chính sách về vốn, chính sách về khoa học công nghệ...:

- Vốn đầu tư: Vốn đầu tư cũng là yếu tố có ý nghĩa quyết định đối với việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp. Có vốn mới giải quyết được vấn đề tăng cường cơ sở kỹ thuật, ứng dụng thành tựu khoa học - công nghệ, nâng cao chất lượng nguồn lao động. Vì vậy, để tăng trưởng kinh tế nông nghiệp cao và ổn định, chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp có hiệu quả phải tăng cường đầu tư vốn cho phát triển sản xuất và kết cấu hạ tầng nông nghiệp, nông thôn cũng như các yếu tố kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội liên quan khác.

- Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội : Các yếu tố của kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội như hệ thống giao thông, thủy lợi, điện, bưu chính - viễn thông... là điều kiện, là tiền đề cho sản xuất hàng hoá và chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp. Tất cả các yếu tố đó đều tác động trực tiếp và mạnh mẽ đến chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp.

Tóm lại, các nhóm nhân tố trên có mối quan hệ tác động lẫn nhau. Trong mỗi quan hệ tương tác đó, mỗi nhân tố có vị trí khác nhau, tác động theo những hướng không giống nhau, nhưng cùng tác động đối với việc hình thành và chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp. Các nhân tố đó chỉ có thể phát huy tác dụng thúc đẩy quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế, nếu như có sự can thiệp có hiệu quả của Nhà nước thông qua cơ chế chính sách, pháp luật.

1.2.2 Cơ sở pháp lý

** Nghị quyết số 19-NQ/TW, ngày 16/6/2022 của Ban chấp hành Trung ương Đảng khoá XIII về nông nghiệp, nông dân, nông thôn*

Nghị quyết số 19-NQ/TW, ngày 16/6/2022 của BCH Trung ương đảng khoá XIII khẳng định: “Nông nghiệp là lợi thế quốc gia, trụ đỡ của nền kinh tế. Phát triển nông nghiệp hiệu quả, bền vững, tích hợp đa giá trị theo hướng nâng cao giá trị gia tăng, năng lực cạnh tranh, gắn với đẩy mạnh phát triển công nghiệp chế biến, bảo quản sau thu hoạch và phát triển thị trường nông sản cả ở trong nước và ngoài nước; bảo đảm an toàn thực phẩm, an ninh lương thực quốc gia, bảo vệ môi trường sinh thái; khuyến khích phát triển nông nghiệp xanh, hữu cơ, tuần hoàn. Chuyển mạnh tư duy từ sản xuất nông nghiệp sang phát triển kinh tế nông nghiệp gắn với nhu cầu thị trường. Phát huy lợi thế vùng, miền, địa phương, tổ chức sản xuất kinh doanh nông nghiệp theo chuỗi giá trị, dựa trên nền tảng khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo.

Cơ cấu lại nông nghiệp thực chất, hiệu quả, khai thác và phát huy lợi thế nền nông nghiệp nhiệt đới, tiềm năng, lợi thế của từng vùng, miền, địa phương. Đẩy mạnh tích tụ, tập trung đất đai; phát triển nông nghiệp theo hướng hiện đại, chuyên canh hàng hoá tập trung, quy mô lớn, bảo đảm an toàn thực phẩm dựa trên nền tảng ứng dụng khoa học - công nghệ tiên tiến, chuyển đổi số, cơ giới hoá, tự động hoá; gắn kết chặt chẽ nông nghiệp với công nghiệp, dịch vụ, sản xuất với bảo quản, chế biến và tiêu thụ nông sản. Khuyến khích phát triển nông nghiệp xanh, hữu cơ, tuần hoàn, chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP), giảm phát thải khí nhà kính... Tiếp tục đầu tư, cải tạo, nâng cấp, xây dựng mới kết cấu hạ tầng sản xuất nông nghiệp, ưu tiên các công trình, dự án phục vụ cơ cấu lại nông nghiệp, ứng phó với biến đổi khí hậu.

** Quyết định số 255/QĐ-TTg ngày 25/02/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Kế hoạch cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2021-2025.*

“Tiếp tục thực hiện cơ cấu lại ngành nông nghiệp theo hướng phát triển nông nghiệp bền vững, nâng cao chất lượng, giá trị gia tăng và khả năng cạnh tranh nông sản; bảo vệ môi trường, sinh thái; nâng cao thu nhập cho người dân ở khu vực nông thôn; đảm bảo an ninh lương thực và an ninh quốc phòng. Đẩy mạnh phát triển nền nông nghiệp hiện đại, nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ, gắn với phát triển công nghiệp chế biến nông sản, thích ứng với biến đổi khí hậu và kết nối bền vững với chuỗi giá trị nông sản toàn cầu.”

** Tại đại hội lần thứ XVII của tỉnh Hải Dương đã đề ra mục tiêu*

“Đẩy mạnh cơ cấu lại ngành nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa tập trung, ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp thông minh, nông nghiệp hữu cơ để nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững.”

** Đề án “Phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung, ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030” của tỉnh Hải Dương.*

Phương hướng và mục tiêu tổng quát của đề án: “Đẩy mạnh cơ cấu lại ngành nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa tập trung, ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ hướng tới nông nghiệp thông minh để nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững, gắn liền tăng trưởng xanh và chuyển đổi số. Trong đó tập trung vào một số nội dung sau:

- Quy hoạch, phát triển các vùng trọng điểm, chuyên canh sản xuất các sản phẩm nông nghiệp chủ lực của tỉnh, chuyển từ tư duy sản xuất nông nghiệp sang tư duy kinh tế nông nghiệp, nông thôn.

- Chú trọng phát triển sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp an toàn, nông nghiệp hữu cơ gắn liền với ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ và cơ giới hóa trong sản xuất, bảo quản chế biến.

- Phát huy tiềm năng của các sản phẩm truyền thống, sản phẩm lợi thế, chủ lực của tỉnh gắn với quy trình tiêu chuẩn hóa sản phẩm theo tiêu chuẩn trong nước và quốc tế, tạo nhiều giá trị khác biệt.

- Chuyển đổi và sử dụng linh hoạt đất trồng lúa sang trồng cây rau màu, cây hằng năm khác, cây ăn quả có hiệu quả kinh tế cao hơn nhằm bảo đảm phát triển hài hòa giữa kinh tế, hiệu quả sử dụng đất và đảm bảo an ninh lương thực.

- Đổi mới tổ chức sản xuất, gắn sản xuất với thị trường trên cơ sở tích tụ đất đai, thu hút các doanh nghiệp đầu tư hình thành các liên kết theo chuỗi giá trị từ sản xuất, chế biến đến tiêu thụ ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật. Gắn phát triển sản xuất nông nghiệp kết hợp với du lịch sinh thái. Quan tâm đẩy mạnh xúc tiến thương mại, xây dựng thương hiệu cho các sản phẩm nông nghiệp có lợi thế nhằm nâng cao giá trị gia tăng ngành nông, lâm nghiệp, thủy sản.

Quan tâm phát triển công nghiệp phục vụ nông nghiệp. Xây dựng các cơ chế, chính sách thu hút đầu tư vào nông nghiệp. Huy động và thực hiện đa dạng hóa các nguồn lực đầu tư cho nông nghiệp và phát triển nông thôn.

Phấn đấu đến năm 2025 thu nhập của cư dân nông thôn tăng ít nhất 1,5 lần so với năm 2020.”

** Đề án “Áp dụng các tiến bộ khoa học, kỹ thuật vào sản xuất để nâng cao giá trị các sản phẩm nông nghiệp của huyện Ninh Giang, giai đoạn 2020 - 2025”*

“Sản xuất theo hướng chuyên dịch cơ cấu cây trồng, gắn với thị trường tiêu thụ, tổ chức lại sản xuất theo chuỗi giá trị để nâng cao giá trị gia

tăng; phát triển mạnh các vùng sản xuất hàng hoá tập trung gắn với bảo quản, chế biến và tiêu thụ theo chuỗi giá trị, ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật nâng cao giá trị các loại cây trồng.

Phát triển chăn nuôi theo hướng tập trung, quy mô lớn, nâng cao năng suất, chất lượng và đảm bảo an toàn dịch bệnh, khuyến khích chăn nuôi ứng dụng những tiến bộ khoa học như công nghệ enzym thủy phân, đệm lót sinh học, chế phẩm sinh học, biogas,... vào giải quyết triệt để phụ phẩm, chất thải chăn nuôi thành giá trị hữu ích tái sử dụng, bảo vệ môi trường, phấn đấu đến năm 2025, toàn huyện có từ 5-10 cơ sở chăn nuôi đáp ứng tiêu chí sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao (chăn nuôi khép kín tự động, bán tự động, có hệ thống làm mát tự động, đệm lót sinh học, nuôi an toàn sinh học,...).

Duy trì, ổn định, nâng cao hiệu quả các vùng nuôi trồng thủy sản tập trung đã được phê duyệt; Duy trì và mở rộng các mô hình nuôi thủy sản có năng suất cao áp dụng đồng bộ các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất.”

1.3 Nội dung quản lý chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp theo hướng bền vững

1.3.1 Xây dựng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch quản lý chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp theo hướng bền vững

a. Về quy hoạch, kế hoạch phát triển và tổ chức chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp

Nhà nước cần phải thông qua các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch để phát triển kinh tế - xã hội, công việc mà nhà nước cần phải làm đó là xem xét những ngành nào quan trọng để từ đó định hướng ưu tiên phát triển ngành đó, những ngành nào không quan trọng thì cần hạn chế đầu tư để tránh bị tốn kém và lãng phí. Sự khuyến khích của Nhà nước hay không khuyến khích sẽ có

những tác động phần nào đó tới việc gia tăng mức tăng trưởng hoặc là kìm hãm một số ngành nghề, lĩnh vực nhất định.

Sự tác động của hoạt động quản lý tới chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp trước hết thể hiện ở việc định hướng của chính quyền tới chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp. Đó là việc chính quyền sẽ định ra một hướng đi với những chặng, những bước cụ thể để việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp có những bước đi chủ động và khoa học. Thông qua việc xây dựng các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch cho từng thời kỳ, chính quyền địa phương sẽ định hướng cho việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp của địa phương nơi mình quản lý. Nếu chiến lược, quy hoạch, kế hoạch đó mang tính khoa học, phù hợp với thực tiễn, đáp ứng được yêu cầu đặt ra thì việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp sẽ đạt được kết quả tốt và ngược lại.

b. Về hệ thống pháp luật, chính sách

** Chính sách hỗ trợ thúc đẩy phát triển sản xuất nông nghiệp*

Việc Nhà nước đề ra các chương trình để hỗ trợ quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp là một việc cũng rất quan trọng, không chỉ đề ra các chương trình mà Nhà nước cũng cần phải đi đầu trong việc thực hiện các chương trình đó. Nhà nước ban hành các chính sách để phát triển và đa dạng hóa các hình thức sản xuất, kinh doanh như: Khuyến nông hỗ trợ nông dân thay đổi tập quán canh tác, nâng cao chất lượng sản phẩm nông sản, giảm tỷ lệ thất thoát sau thu hoạch và bảo quản, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp. Hỗ trợ nông dân kết nối với các doanh nghiệp chế biến và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp, nhằm từng bước hình thành mạng lưới sản xuất theo chuỗi cung ứng kết nối từ sản xuất - chế biến - thị trường và bán sản phẩm. Hỗ trợ phát triển công nghiệp phục vụ sản xuất nông nghiệp, khuyến khích đầu tư phát triển công nghiệp chế biến nông, lâm, thủy sản theo công nghệ hiện đại, tạo ra

những sản phẩm có sức cạnh tranh cao; hỗ trợ áp dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất nông nghiệp.

** Chính sách quản lý đất đai trong nông nghiệp*

Quản lý quy hoạch và sử dụng đất, thực hiện rà soát, kiểm soát chặt chẽ việc sử dụng đất nông nghiệp theo quy hoạch; cần công khai, minh bạch trong quản lý quy hoạch và giám sát thực hiện quy hoạch sử dụng đất theo Nghị quyết 17/2011/QH13 của Quốc hội. Đặc biệt đối với đất trồng lúa, đất rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, đất quy hoạch cho các mặt hàng nông sản chiến lược, mặt hàng xuất khẩu chủ lực, đất cho chăn nuôi và đất nuôi trồng thủy sản.

Thực hiện chính sách hỗ trợ, đảm bảo lợi ích chính đáng cho người có đất bị thu hồi tránh xảy ra việc khiếu nại kéo dài; xây dựng thể chế tạo điều kiện cho nông dân chuyển đổi mục đích sử dụng đất phát triển sản xuất nông nghiệp nhằm tạo ra giá trị và hiệu quả cao hơn, bao gồm việc chuyển đổi cây trồng trên đất lúa nhưng không làm mất khả năng sản xuất lúa lâu dài.

Để hình thành nền nông nghiệp hàng hóa phát triển bền vững phải “tích tụ đất đai”, có phương án sử dụng đất dành cho các đối tượng có vốn, có kiến thức, biết làm ăn giỏi,... nên tạo cơ hội để người có đất và người muốn phát triển sản xuất nông nghiệp gặp nhau thực hiện tốt quyền và nghĩa vụ theo đúng pháp luật.

** Chính sách tiền tệ và tài chính, đầu tư phát triển nông nghiệp*

Việc đầu tư kết cấu hạ tầng, cơ sở hạ tầng sao cho phù hợp với hình thái kinh tế thị trường, để từ đó có các điều kiện phát triển kinh tế được tốt nhất, ngoài ra thì nhà nước cũng cần phải có những chính sách để thu hút và mời gọi các nhà đầu tư trong nước và ngoài nước.

Hỗ trợ vốn cho phát triển nông nghiệp và ngành nghề nông thôn bằng các hình thức cho vay đầu tư phát triển, cấp hỗ trợ lãi suất đầu tư, bảo lãnh tín

dụng đầu tư,...Chính sách hỗ trợ về vốn ưu tiên cho áp dụng thử nghiệm nuôi trồng các giống cây con mới...cần có chính sách phát triển nhanh, nhân ra diện rộng và hỗ trợ vốn xử lý môi trường trong quá trình sản xuất nông nghiệp.

** Chính sách đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội cho nông nghiệp:* Tập trung vốn đầu tư cho nông nghiệp tạo điều kiện đẩy nhanh công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Các lĩnh vực được cần đầu tư nhiều như xây dựng hệ thống giao thông, công trình thuỷ lợi, các trạm trại giống và chăm sóc thú y, bảo vệ thực vật. Đồng thời, các làng nghề thủ công truyền thống cũng cần được chú trọng.

** Chính sách khoa học và công nghệ:* Đưa những tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất kinh doanh, chú trọng nhân giống cây trồng - vật nuôi, khuyến khích đổi mới thiết bị, công nghệ trong các cơ sở sản xuất, đào tạo và xây dựng đội ngũ cán bộ kỹ thuật, công nhân lành nghề.

** Chính sách dạy nghề, tạo việc làm cho lao động nông nghiệp:* Đầu tư xây dựng trường dạy nghề, đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng các làng nghề và phát triển công nghiệp nông thôn để thu hút lao động.

** Chính sách về thị trường tiêu thụ sản phẩm:* Đầu tư xây dựng chợ đầu mối, phát triển mạng lưới chợ, tổ chức quảng bá các sản phẩm. Thị trường là nhân tố tất yếu rất quan trọng đối với tất cả các ngành nói chung và nông nghiệp nói riêng. Do đó, cần sự quan tâm hỗ trợ mọi mặt rất lớn từ các ngành, các cấp.

** Kiện toàn bộ máy quản lý nhà nước về chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp*

Nhà nước đổi mới tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước phù hợp với yêu cầu của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, đưa hệ

thống pháp luật vào cuộc sống; quản lý xã hội, quản lý kinh tế bằng pháp luật; nâng cao năng lực điều hành, ổn định kinh tế vĩ mô.

Tổ chức rà soát chức năng, nhiệm vụ quản lý theo phạm vi lĩnh vực được nhà nước quy định nhằm kiện toàn bộ máy quản lý nhà nước về nông nghiệp và chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp theo hướng tinh gọn, hiệu quả tránh chồng chéo chức năng nhiệm vụ, hoạt động thống nhất và đáp ứng tốt nhiệm vụ quản lý nhà nước về nông nghiệp.

Kiện toàn tổ chức các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc bộ, ngành và sắp xếp hệ thống tổ chức bộ máy hợp lý.

Đối với các địa phương, quy định rõ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các cơ quan chuyên môn thuộc thẩm quyền quản lý của UBND cấp tỉnh, huyện, xã nhằm thống nhất tổ chức hệ thống quản lý theo hướng tinh gọn ở địa phương và phù hợp với cơ cấu tổ chức của ngành nông nghiệp.

Thiết lập phương thức vận hành thống nhất, đồng bộ trong hệ thống quản lý nhà nước về nông nghiệp. Xây dựng cơ chế chỉ đạo, quản lý phối hợp công tác, thông tin báo cáo theo ngành dọc giữa các đơn vị thuộc Bộ nông nghiệp và Phát triển nông thôn với các sở nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các cơ quan, đơn vị quản lý nông nghiệp cấp huyện, xã nhằm tạo sự thông suốt, chủ động trong quản lý.

1.3.2 Tổ chức thực hiện

a. Về quy hoạch

Tổ chức thực hiện quy hoạch các khu, vùng sản xuất nông nghiệp nhất là những diện tích đất nông nghiệp cho năng suất, chất lượng cao để cập nhật vào Quy hoạch chung của tỉnh, của Quốc gia. Các địa phương cần xác định rõ các vị trí, quy mô diện tích đất để phục vụ sản xuất cho các lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản; xây dựng cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm và bảo quản

chế biến nông sản. Đối với những diện tích lúa và diện tích đất nông nghiệp cho năng suất, chất lượng cao cần phải bảo vệ nghiêm ngặt thì phải được quản lý bằng bản đồ số (GPS). Xác định, phát triển các vùng trọng điểm, chuyên canh sản xuất các sản phẩm nông nghiệp chủ lực của tỉnh ở những địa phương có lợi thế để thu hút đầu tư.... Quy hoạch các vùng sản xuất nông nghiệp gắn với phát triển du lịch sinh thái dựa trên lợi thế của từng địa phương.

b. Về tổ chức sản xuất

Có chính sách khuyến khích tập trung ruộng đất để phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung, quy mô lớn. Tiếp tục đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính liên quan đến đất đai như: thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho người sử dụng đất nông nghiệp; thủ tục về chuyển nhượng, chuyển đổi, cho thuê đất; thủ tục về giải phóng mặt bằng để thực hiện các dự án đầu tư...

Đẩy mạnh thực hiện liên kết 4 nhà, trong đó đặc biệt tăng cường mối liên kết bền vững giữa doanh nghiệp – nông dân. Đưa nông sản của tỉnh tham gia chuỗi giá trị nhằm nâng cao giá trị gia tăng. Tập trung thu hút, phát triển doanh nghiệp, hợp tác xã trong sản xuất nông nghiệp; có cơ chế chính sách ưu đãi để hỗ trợ, khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực bảo quản, chế biến sâu nông sản; có cơ chế thành lập cụm công nghiệp chế biến nông sản.

c. Về kỹ thuật và khoa học công nghệ

Tiếp tục đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ, nhất là công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp. Tập trung các lĩnh vực có khả năng tạo đột phá về năng suất, chất lượng sản phẩm, thích ứng với biến đổi khí hậu; các quy trình canh tác tiên tiến, công nghệ bảo quản sau thu hoạch; xử lý chất thải trong sản xuất nông nghiệp; cải tạo nâng cao chất lượng nguồn nước nhằm phục vụ sản xuất nông nghiệp sạch, nông

ng nghiệp an toàn.

Đẩy mạnh ứng dụng cơ giới hóa trong sản xuất nông nghiệp để giảm công lao động, giảm chi phí, tăng năng suất cây trồng như cấy, phun thuốc trừ sâu, thu hoạch bằng máy; hệ thống tưới tiên tiến, tiết kiệm... tăng cường áp dụng hệ thống tự động hóa trong lĩnh vực chăn nuôi, thủy sản như: máy nghiền trộn thức ăn, máy chế biến thức ăn thô, hệ thống thông gió, điều chỉnh nhiệt độ, ẩm độ trong chuồng nuôi tự động; hệ thống tự động đo quan trắc môi trường đất, nước...

Đẩy mạnh áp dụng các biện pháp sản xuất nông nghiệp sinh thái bền vững, giảm thiểu ô nhiễm môi trường, gắn với phát triển du lịch sinh thái, trải nghiệm nông nghiệp, nông thôn.

d. Về chuyển đổi số trong nông nghiệp

Thực hiện số hóa cơ sở dữ liệu (theo từng đối tượng cây trồng và vật nuôi; tích hợp các thông tin về quy hoạch, kế hoạch, đặc điểm nông hóa, thổ nhưỡng, nguồn nước phục vụ sản xuất, tình hình lao động trong nông nghiệp của địa phương...) qua đó giúp doanh nghiệp có thể truy cập để nắm bắt thông tin, nghiên cứu đầu tư sản xuất, chế biến và tiêu thụ nông sản.

Hỗ trợ đầu tư hạ tầng công nghệ số, áp dụng các phần mềm để quản lý, điều hành, giám sát tổ chức sản xuất, kết nối xúc tiến thương mại, quảng bá, tiêu thụ nông sản.

Tập trung xây dựng được các mô hình sản xuất đầu tư đồng bộ về khoa học công nghệ, công nghệ số, các thiết bị điện tử thông minh để giúp cho việc cập nhật thông tin, quản lý dữ liệu và truy xuất nguồn gốc, tiêu thụ sản phẩm được thuận lợi.

e. Về vốn đầu tư cho phát triển sản xuất nông nghiệp

Tranh thủ các nguồn kinh phí Trung ương đồng thời ưu tiên vốn ngân sách địa phương để triển khai thực hiện các chương trình, đề án, dự án của

ngành nông nghiệp trên cơ sở đúng mục đích, có hiệu quả. Tăng nguồn vốn sự nghiệp, vốn đầu tư công hằng năm cho ngành nông nghiệp để đảm bảo thực hiện nhiệm vụ giám sát, phòng ngừa và kiểm soát dịch bệnh cây trồng, vật nuôi, thủy sản; công tác chuyển giao tiến bộ kỹ thuật, khuyến nông, xây dựng và nhân rộng các mô hình mới có hiệu quả; thực hiện các chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp và cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất nông nghiệp, cũng như xây dựng thương hiệu sản phẩm và hỗ trợ xúc tiến thương mại.

Nguồn vốn sự nghiệp khoa học cần ưu tiên thực hiện các chương trình, đề tài trong ngành nông nghiệp nhất là ứng dụng các giống cây, con năng suất, chất lượng cao, có khả năng chống chịu sâu bệnh, thích ứng với điều kiện biến đổi khí hậu, cải tạo môi trường và bảo quản, chế biến.

g. Về nhân lực

Có kế hoạch đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực khoa học kỹ thuật để đáp ứng yêu cầu phát triển nông nghiệp, nhất là nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ. Chú trọng đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ cho đội ngũ cán bộ quản lý các cấp, nhằm nâng cao năng lực tham mưu và tổ chức triển khai các chính sách đáp ứng yêu cầu phát triển nông nghiệp, nông thôn trong giai đoạn mới.

Xây dựng cơ chế phối hợp giữa các cấp, các ngành liên quan trong công tác đào tạo nghề trên địa bàn. Hoàn thiện và đổi mới nội dung, giáo trình giảng dạy, gắn đào tạo với nhu cầu của xã hội và nhu cầu của doanh nghiệp, gắn lý luận với thực tiễn, học đi đôi với hành, chú ý rèn luyện tay nghề, kỹ năng, tăng cường đào tạo kiến thức quản lý kinh doanh trong cơ chế kinh tế thị trường.

1.3.3 Thanh tra, kiểm tra, giám sát về hoạt động chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp

Để cho quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp được thực hiện một cách tốt nhất thì các cơ quan có thẩm quyền cần phải thực hiện thật tốt quá trình kiểm tra, giám sát, thanh tra đối với các cơ quan được giao nhiệm vụ chuyên trách về quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp. Đây là một công tác quan trọng đối với quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp nên cần phải được thực hiện một cách thường xuyên và theo đúng với quy định của pháp luật.

Trong những năm qua, công tác chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp đã thu được nhiều thành quả nhất định và để đảm bảo nhiệm vụ, mục tiêu của công tác này thì các cơ quan quản lý nhà nước cần thực hiện kiểm tra, đánh giá một cách chặt chẽ và nghiêm túc quá trình thực hiện chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp tại các tỉnh và địa phương. Theo đó công tác kiểm tra là một trong những nhân tố có tầm ảnh hưởng lớn tới công tác chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp ở các địa phương. Nếu công tác kiểm tra càng chặt chẽ, càng công khai minh bạch thì quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp càng đạt hiệu quả cao và ngược lại.

Hàng năm nhà nước xây dựng chương trình, kế hoạch và đột xuất tổ chức thực hiện thanh tra, kiểm tra các lĩnh vực, cơ sở hoạt động sản xuất kinh doanh nông nghiệp. Cùng với hoạt động xây dựng, thực hiện rà soát văn bản quy phạm pháp luật, thì việc định kỳ kiểm tra, đánh giá và tổng kết tình hình thực hiện các chính sách từ những văn bản ban hành, thuộc phạm vi quản lý nhà nước của ngành nông nghiệp, sẽ góp phần thiết thực nâng cao hiệu quả công tác xây dựng hệ thống pháp luật của nhà nước đối với chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp.

Theo dõi đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện kiến nghị, kết luận của cơ quan có thẩm quyền; tổ chức thanh tra trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị khi có khiếu nại, tố cáo và phòng chống tham nhũng trong lĩnh

vực nông nghiệp và phát triển nông thôn. rà soát, hoàn thiện hệ thống cơ sở pháp lý về thanh tra, kiểm tra trong lĩnh vực nông nghiệp, xây dựng đội ngũ cán bộ có đủ năng lực thực hiện tốt chức năng nhiệm vụ quản lý nhà nước.

Tăng cường các hệ thống kiểm nghiệm, kiểm tra, thanh tra chất lượng vệ sinh an toàn thực phẩm đối với những sản phẩm nông, lâm, thủy sản. Chú trọng thanh tra nguyên liệu đầu vào như giống, phân bón, chế phẩm trừ sâu bệnh.

1.4 Kinh nghiệm quản lý về chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp theo hướng bền vững ở một số địa phương của Việt Nam, bài học kinh nghiệm rút ra cho huyện Ninh Giang tỉnh Hải Dương.

1.4.1. Kinh nghiệm quản lý của tỉnh Hà Nam

Hà Nam có diện tích 860,5 km², dân số là 802.200 người. Giá trị sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản năm 2019 tỉnh Hà Nam đạt 7.900 tỷ đồng, tăng 1,7% so với năm 2018. Năng suất lúa cả năm đạt 62 tạ/ha tăng 0,8% so với năm 2018, tổng sản lượng lương thực đạt trên 422 nghìn tấn; thủy sản đạt 23.137 tấn, tăng 2,7% so với năm 2018. Thu nhập bình quân đầu người khu vực nông thôn năm 2019 đạt 46 triệu đồng/người/năm tăng 13 triệu đồng so với năm 2010 (33 triệu đồng/người). Để có được những thành tựu này trong phát triển kinh tế nông nghiệp, trong những năm vừa qua, tỉnh Hà Nam đã thực hiện một số chính sách chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp như:

(1) Chính sách phát triển nông nghiệp công nghệ cao nhằm phát triển nông nghiệp, đồng thời bảo đảm được mục tiêu về môi trường: chính sách này đã được đưa vào Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ 19 nhiệm kỳ 2015-2020 của tỉnh;

2) Chính sách chuyển đổi hình thức tổ chức sản xuất gắn với thực hiện tích tụ ruộng đất để phát triển nền nông nghiệp bền vững nhằm đạt mục tiêu về kinh tế.

Việc tích tụ ruộng đất có ý nghĩa quan trọng trong việc chuyển đổi hình thức tổ chức sản xuất nông nghiệp từ sản xuất manh mún sang sản xuất hàng hóa lớn. Xác định được vấn đề trên, tỉnh Hà Nam đã đưa ra chính sách khuyến khích tích tụ ruộng đất. Cách làm này đã giúp tỉnh Hà Nam tích tụ tập trung được trên 1.841 ha, vượt 22,8% kế hoạch với 5.618 hộ và 161 mô hình sản xuất lúa, rau củ quả, hoa, dược liệu, cây ăn quả tham gia chuỗi liên kết sản xuất nông sản sạch, trong đó có 33 mô hình có quy mô từ 3ha/mô hình trở lên;

(3) Chính sách phát triển mạnh chăn nuôi nông hộ, nhóm hộ theo hướng hợp tác xã kiểu mới gắn với các Đề án ứng dụng công nghệ tiên tiến trong chăn nuôi, xử lý môi trường nhằm đạt mục tiêu về môi trường bên cạnh việc phát triển nông nghiệp.

(4) Chính sách tăng cường hợp tác với Nhật Bản và Israel, thành phố Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh, tỉnh Lâm Đồng trong lĩnh vực nông nghiệp nhằm học tập công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp để phát triển nông nghiệp đồng thời hướng tới bảo đảm các mục tiêu của phát triển bền vững;

(5) Chính sách tập trung huy động, lồng ghép các nguồn lực xây dựng nông thôn mới; có cơ chế hỗ trợ mạnh cho khu vực nông thôn, điều chỉnh phương thức hỗ trợ từ cấp phát sang thực hiện theo đề án cụ thể, nhằm hướng tới mục tiêu kinh tế và xã hội của phát triển bền vững.

1.4.2. Kinh nghiệm quản lý của Vĩnh Phúc

Nhằm thực hiện công cuộc phát triển kinh tế xã hội chung của tỉnh, Vĩnh Phúc trong những năm qua đã tập trung thực hiện những biện pháp cụ thể nhằm phát triển bền vững và nâng cao giá trị sản xuất các ngành, trong đó có ngành nông nghiệp. Theo báo cáo của UBND tỉnh, để sớm đạt mục tiêu của Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp tỉnh Vĩnh Phúc, giai đoạn 2010 -

2018, UBND tỉnh đã ban hành 8 quy hoạch phát triển nông, lâm nghiệp, thủy sản; giai đoạn 2014-2018, HĐND tỉnh ban hành 2 Nghị quyết, UBND tỉnh ban hành 1 Đề án và nhiều quyết định, văn bản chỉ đạo. Cùng với đó, chỉ đạo các cấp, các ngành, địa phương thực hiện tốt chính sách đất đai, giải phóng mặt bằng, thu hồi, giao đất, chuyển đổi mục đích sử dụng đất cho 6 dự án nông nghiệp; chỉ đạo các tổ chức tín dụng thực hiện cho vay không tài sản thế chấp lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn, cho vay mô hình liên kết, ứng dụng công nghệ cao, cho vay xây dựng nông thôn mới.

Kết quả nổi bật là sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản của tỉnh có bước phát triển nhanh và chuyển dịch theo hướng tích cực, được nông dân đón nhận, mạnh dạn đầu tư phát triển sản xuất, chăn nuôi. Đặc biệt, với việc đưa cơ giới hóa vào sản xuất nông nghiệp, Vĩnh Phúc không chỉ giải bài toán về thiếu lao động, giảm chi phí trong sản xuất mà còn giúp bà con nông dân nâng cao hiệu quả trong sản xuất nông nghiệp, tạo tiền đề quan trọng cho các địa phương xây dựng nông thôn mới theo hướng phát triển các vùng sản xuất hàng hoá tập trung quy mô lớn.

Kết quả này là do hướng đi đúng trong công tác quản lý, cụ thể:

Thứ nhất, Vĩnh Phúc xác định trước hết cần đổi mới về thể chế, đưa ra những giải pháp nhằm hoàn thiện và đồng bộ các cơ chế, chính sách về phát triển nông nghiệp. Từ đó, nâng cao năng lực tổ chức, tăng tính bền vững trong sản xuất nông nghiệp, bảo vệ môi trường, chú trọng vào chất lượng và năng suất, tăng khả năng tiêu thụ và sức cạnh tranh của nông sản trên thị trường; tăng thu nhập cho nông dân; đẩy nhanh quá trình xây dựng nông thôn mới.

Thứ hai, tái cơ cấu ngành nông nghiệp nhằm nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững sản xuất nông nghiệp dựa trên đổi mới tổ chức sản xuất; đẩy mạnh liên kết giữa sản xuất và thị trường, ứng dụng khoa học công nghệ;

Thứ ba, hỗ trợ sản xuất rau quả hàng hóa an toàn theo hướng áp dụng các tiến bộ kỹ thuật mới, cơ giới hóa được đưa vào hầu hết các khâu của quá trình sản xuất đã tạo ra năng suất lao động cao, nâng cao chất lượng và sức cạnh tranh của sản phẩm, góp phần thực hiện mục tiêu chuyển dịch cơ cấu lao động nông nghiệp, nông thôn, tạo sự thay đổi trong kỹ thuật canh tác, sản xuất hàng hóa các sản phẩm có chất lượng, ngày càng đáp ứng yêu cầu an toàn thực phẩm và cho thu nhập cao.

Thực hiện các cơ chế đầu tư hỗ trợ phát triển sản xuất và tái cơ cấu ngành nông nghiệp, năng suất các loại cây trồng không ngừng tăng, đặc biệt là năng suất lúa hiện nay đạt khoảng 63-67 tạ/ha/vụ.

Tuy nhiên, do một số nội dung hỗ trợ chưa phù hợp với điều kiện thực tế nên việc triển khai các nghị quyết này còn gặp nhiều khó khăn, thậm chí một số nội dung triển khai đạt thấp hoặc chưa triển khai được.

1.4.3 Bài học kinh nghiệm rút ra cho quản lý chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp theo hướng phát triển bền vững tại huyện Ninh Giang tỉnh Hải Dương

Từ kinh nghiệm về thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp của một số địa phương trong nước có thể rút ra bài học cho huyện Ninh Giang như sau:

- Khuyến khích nông dân đẩy mạnh phát triển các nông sản có lợi thế cạnh tranh phục vụ xuất khẩu đi đôi với đầu tư thâm canh, đa dạng hóa sản xuất trên cơ sở địa phương tập trung đầu tư phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng, nhất là hệ thống thủy lợi, hỗ trợ tín dụng, khoa học và công nghệ.

- Phát triển công nghiệp phục vụ nông nghiệp và sử dụng nhiều lao động ở nông thôn: Chú trọng phát triển công nghiệp phục vụ nông nghiệp và sử dụng nhiều lao động ở nông thôn, đặc biệt là công nghiệp chế biến.

- Ưu tiên đầu tư phát triển và ứng dụng khoa học và công nghệ trong nông nghiệp: Thực hiện các biện pháp ưu tiên đầu tư phát triển và ứng dụng khoa học - công nghệ, nhất là công nghệ sinh học để tạo ra các giống mới có năng suất và chất lượng cao, hỗ trợ tín dụng để nông dân mua sắm máy móc, thiết bị phục vụ cơ giới hóa nhằm nâng cao năng suất lao động và hạ giá thành sản xuất.

- Khuyến khích các công ty, doanh nghiệp tham gia vào thu mua, xuất khẩu nông sản thông qua chính sách hỗ trợ tín dụng đầu tư xây dựng nhà máy chế biến, kho chứa nông sản ngay tại địa bàn nông thôn để nông dân yên tâm đầu tư vào sản xuất, giảm bớt rủi ro.

- Tạo môi trường thuận lợi để khuyến khích các thành phần kinh tế trong nông nghiệp phát triển: Thúc đẩy các thành phần kinh tế trong nông nghiệp phát triển, nhất là kinh tế tập thể, kinh tế trang trại và kinh tế tư nhân thông qua chính sách thuế, kiến lập thị trường tín dụng.

- Tăng cường hiệu quả cải cách hành chính, đặc biệt liên quan đến thủ tục hành chính, thủ tục chuyển đổi mục đích sử dụng đất...

Tiểu kết chương 1.

Chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp là quá trình làm thay đổi cấu trúc, tỷ trọng, tốc độ và chất lượng các yếu tố cấu thành nền kinh tế nông nghiệp theo một chiều hướng nhất định, ở một giai đoạn phát triển nhất định, nhằm đưa nền nông nghiệp phát triển theo hướng nâng cao giá trị, phát huy tối đa tiềm năng và lợi thế vốn có của ngành. Trong xu thế phát triển hiện nay, chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp cũng nằm trong xu hướng phát triển chung và rất cần thiết phải thúc đẩy phát triển. Vì vậy tăng cường quản lý nhà nước về chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp là nhiệm vụ quan trọng để đưa ngành nông nghiệp phát triển cao hơn trong thời gian tới, đem lại cuộc sống ổn định cho người nông dân.

Ở Chương 1, đề án đã đưa ra cơ sở khoa học của quản lý nhà nước chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp thông qua việc: Khái quát về chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp (các khái niệm, sự cần thiết, yêu cầu chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp); Quản lý nhà nước về chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp (khái niệm, nội dung, các nhân tố ảnh hưởng và tiêu chí đánh giá thực trạng quản lý nhà nước về chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp); kinh nghiệm chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp ở một số địa phương để rút ra bài học kinh nghiệm cho huyện Ninh Giang.

Những cơ sở khoa học ở Chương 1 tạo thành khung lý thuyết để tác giả tiến hành phân tích, đánh giá hoạt động quản lý về chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp theo hướng phát triển bền vững tại huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương ở Chương 2.

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU KINH TẾ NÔNG NGHIỆP THEO HƯỚNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG TẠI HUYỆN NINH GIANG, TỈNH HẢI DƯƠNG

2.1. Đặc điểm tự nhiên, kinh tế, xã hội huyện Ninh Giang.

2.1.1. Đặc điểm về điều kiện tự nhiên.

Huyện Ninh Giang là huyện đồng bằng nằm phía Đông Nam tỉnh Hải Dương, cách thành phố Hải Dương 30 km; Phía Bắc: Giáp huyện Gia Lộc, Tứ Kỳ; Phía Nam: Giáp huyện Quỳnh Phụ (*tỉnh Thái Bình*); Phía Đông: Giáp huyện Tứ Kỳ; Phía Tây: Giáp huyện Thanh Miện; Cách thủ đô Hà Nội 60km về phía Tây; Cách thành phố Hưng Yên 35km; Cách thành phố Thái Bình khoảng 30km; Cách thành phố Hải Phòng khoảng 35km. Nằm trong khu vực có mạng lưới giao thông thông suốt và một số tuyến giao thông quan trọng như: Quốc lộ 37 (Thái Bình - Hải Dương - Quảng Ninh); Đường vành đai 5 thủ đô Hà Nội (*đoạn Hà Nội - Quảng Ninh*); Trục Bắc - Nam (*từ cầu Hiệp Ninh Giang đi thành phố Hải Dương và các khu vực trọng điểm phía Bắc tỉnh Hải Dương*).

Với diện tích tự nhiên 136,8 km², dân số trên 148.000 người (tính đến ngày...), huyện Ninh Giang có 20 đơn vị hành chính bao gồm 19 xã và 01 thị trấn.

2.1.2. Đặc điểm kinh tế, xã hội.

Đến nay tình hình kinh tế - xã hội đã đạt được kết quả tích cực, tổng giá trị sản xuất (*theo giá thực tế*) năm 2024 ước đạt 106,135 tỷ đồng, trong đó: Giá trị sản xuất ngành nông nghiệp chiếm 15,24%.

Các chế độ, chính sách về an sinh xã hội được thực hiện đồng bộ. Chất lượng giáo dục, đào tạo được duy trì, Quy mô giáo dục ở các cấp học tiếp tục được giữ vững. Hoàn thành phổ cập Giáo dục Tiểu học đúng độ tuổi mức độ 2, củng cố và nâng cao chất lượng phổ cập Giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi. Chất lượng giáo dục ở các khối lớp được duy trì ổn định. Mạng lưới cơ sở khám chữa bệnh được mở rộng và sắp xếp, kiện toàn (Phát triển thêm 01 phòng khám Đa khoa tư nhân, nâng tổng số lên 03 phòng khám Đa khoa tư nhân; sắp xếp, sáp nhập Trung tâm Y tế, Bệnh viện đa khoa, trung tâm Dân số- Kế hoạch hóa gia đình thành Trung tâm Y tế; sáp nhập 14 Trạm y tế xã, thành 06 Trạm y tế ở 06 đơn vị hành chính xã mới); cơ sở vật chất, trang thiết bị y tế được quan tâm đầu tư, đáp ứng cơ bản yêu cầu khám, chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe cho nhân dân. Công tác y tế dự phòng, vệ sinh thực phẩm, phòng chống dịch bệnh...; các chương trình mục tiêu quốc gia về y tế được quan tâm thực hiện có hiệu quả. Tỷ lệ trẻ em dưới 1 tuổi được tiêm đầy đủ các loại vắc xin đạt 98,9%; tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng giảm xuống còn 8,32% . Có 20/20 trạm y tế xã, thị trấn có bác sỹ; 19/19 xã đạt chuẩn quốc gia về y tế; Công tác dân số, kế hoạch hóa gia đình và trẻ em được quan tâm thường xuyên, năm 2020, tỷ lệ tăng dân số tự nhiên ước đạt 0,86%.

2.2. Thực trạng quản lý chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp theo hướng phát triển bền vững tại huyện Ninh Giang.

2.2.1 Thực trạng thực thi chiến lược, kế hoạch, chính sách pháp luật trong quản lý chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp theo hướng bền vững.

a. Thực thi chiến lược, kế hoạch phát triển nông nghiệp và chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp

- Ban Thường vụ Huyện ủy ban hành Quyết định 116-QĐ/HU ngày 26 tháng 4 năm 2021 về ban hành Đề án “Áp dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật vào sản xuất để nâng cao giá trị các sản phẩm nông nghiệp huyện Ninh Giang, giai đoạn 2020-2025”. Để triển khai thực hiện đề án, UBND huyện Ninh Giang đã ban hành Kế hoạch số 119/KH-UBND ngày 15 tháng 8 năm 2021 về thực hiện Đề án;

Trong quá trình lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện Đề án, từ đầu nhiệm kỳ đến nay Ban Thường vụ Huyện ủy đã ban hành 03 Quyết định và 04 thông báo ý kiến về sản xuất nông nghiệp; UBND huyện ban hành 07 kế hoạch và nhiều công văn chỉ đạo thực hiện các nội dung của Đề án. Các văn bản lãnh đạo, chỉ đạo của Huyện ủy, UBND huyện đều được triển khai cụ thể, kịp thời tới các cơ quan, đơn vị, các xã, thị trấn trên địa bàn huyện.

b. Thực thi, hướng dẫn thực hiện chính sách, pháp luật về chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp

Với việc lên kế hoạch, xây dựng hệ thống pháp luật để thực thi trong thời đại mới, cùng với những mục tiêu, phương hướng, giải pháp để thực hiện quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp nhằm hướng đến mục tiêu chung về phát triển kinh tế - xã hội.

Trong thời gian qua có thể nói CCKT nông nghiệp của huyện Ninh Giang đã được chuyển dịch theo hướng phát triển phù hợp với các hệ thống và chính sách pháp luật mà nhà nước đã đề ra với nội dung là sự chuyển dịch CCKT nông nghiệp tự nhiên sang CCKT nông nghiệp sản xuất dịch vụ nông nghiệp để cải thiện đời sống của nhân dân và từng bước nâng cao giá trị sản xuất ngành nông nghiệp.

Dựa trên cơ sở đường lối, chủ trương của Đảng và Nhà nước, các định hướng phát triển của tỉnh và đặc biệt là dựa vào điều kiện cụ thể của từng địa phương, chính quyền Ninh Giang đã lên kế hoạch xây dựng các hệ thống pháp luật cùng với đó là việc triển khai thực thi các hệ thống pháp luật liên quan đến việc phát triển các ngành nông nghiệp, công nghiệp và dịch vụ đẩy mạnh việc phát triển kinh tế của vùng.

Chính quyền huyện Ninh Giang đã thực hiện nghiêm chỉnh luật đất đai và Nghị định số 43/2015/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều trong luật đất đai về vấn đề dồn điền đổi thửa và phát triển kinh tế hộ nông nghiệp của thành phố và huyện, Nghị định số 35/2015/NĐ-CP về quản lý sử dụng đất trồng lúa, Nghị định 62/2019/NĐ-CP về sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định 35.

Hàng năm UBND huyện Ninh Giang ban hành các kế hoạch về chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa để giao cho các địa phương thực hiện chuyển từ trồng lúa sang trồng các loại cây khác có giá trị kinh tế cao hơn.

2.2.2. Thực trạng Tổ chức thực hiện quản lý chuyển dịch CCKT nông nghiệp theo hướng phát triển bền vững tại huyện Ninh Giang

a. Cơ cấu tổ chức quản lý

Bảng 2.1 Tình hình cơ cấu tổ chức quản lý chuyển dịch CCKT nông nghiệp huyện Ninh Giang

Cơ quan	Trình độ đào tạo		
	Tiến sĩ	Thạc sĩ	Đại học
HĐND		1	3
Lãnh đạo UBND	1	1	1
Phòng Nông nghiệp và phát triển nông thôn		1	4

Phòng Tài chính Kế hoạch		4	1
Chi cục Thống kê		2	2

Nguồn: Báo cáo thực trạng đội ngũ cán bộ, công chức huyện Ninh Giang năm 2024

Hiện nay trong hoạt động QLNN đối với chuyển dịch CCKT nông nghiệp cấp huyện có các cơ quan quản lý và chuyên môn có liên quan, bao gồm: HĐND, UBND cấp huyện, Phòng Nông nghiệp và phát triển nông thôn, Phòng Kinh tế và Hạ tầng, Phòng Tài chính - Kế hoạch, Phòng Tài nguyên và Môi trường, Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp phối hợp với các phòng chuyên môn theo ngành dọc ở cấp huyện như Chi cục thống kê, Chi cục Thuế khu vực Ninh Thanh. Theo đó các cơ quan cùng phối hợp làm việc:

- Chi cục Thống kê huyện có trách nhiệm thực hiện các thống kê liên quan đến hoạt động chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp trên địa bàn huyện hàng năm, báo cáo với lãnh đạo UBND huyện vào thời điểm cuối năm.

- Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện sử dụng các kết quả báo cáo của Chi cục thống kê huyện trong việc lập báo cáo, phân tích và đánh giá về tình hình chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp của huyện hàng năm.

Tất cả các cơ quan chức năng trên đều có trách nhiệm phải phối hợp với nhau để thực hiện quá trình chuyển dịch CCKT nông nghiệp trên địa bàn huyện một cách dễ dàng và thuận tiện nhất, thông qua đó các cơ quan này thực hiện phải dưới sự chỉ đạo tập trung của chính quyền tỉnh và chính quyền cấp dưới. Mỗi cơ quan phải đảm nhiệm và có trách nhiệm trong việc phụ trách mảng chuyên môn của mình, nhưng trong quá trình hoạt động các cơ quan này cũng phải kết hợp với các cơ quan liên quan để cùng thống nhất mục tiêu hoạt động và phương pháp quản lý sao cho có hiệu quả nhất, tránh việc chồng chéo nhau khi hoạt động.

Nhìn chung thì bộ máy QLNN về chuyển dịch CCKT nông nghiệp của huyện Ninh Giang đã được xây dựng thống nhất và hoàn chỉnh, có sự đồng bộ nhất định từ cấp huyện đến cấp xã, thôn. Điểm ưu thế của huyện là việc bố trí địa điểm làm việc của các cơ quan chức năng này tương đối là gần nhau nên cũng đã phần nào tạo ra được những điều kiện thuận lợi trong việc đi lại để trao đổi công tác và liên hệ công việc.

b. Công tác đào tạo, bồi dưỡng

Trong những năm qua, huyện Ninh Giang đã tập trung quan tâm xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý và công chức thực thi nhiệm vụ liên quan đến chuyển dịch CCKT nông nghiệp. Tập trung vào các mục tiêu:

Xây dựng kế hoạch và tổ chức đào tạo, bồi dưỡng các cán bộ trong lĩnh vực nghiên cứu nuôi cấy mô, chọn tạo giống; thu hút cán bộ trình độ cao phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn.

Đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ khuyến nông, bảo vệ thực vật, thú y cơ sở. Đổi mới chương trình đào tạo nghề nông nghiệp, phi nông nghiệp cho lao động nông thôn đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động.

Tập huấn bồi dưỡng nâng cao năng lực cán bộ HTX, các chủ trang trại về quản lý tài chính, sản xuất kinh doanh, ứng dụng khoa học công nghệ, quản lý chất lượng gắn với chế biến, tiêu thụ sản phẩm, bảo vệ môi trường.

Tập huấn nâng cao năng lực, chuyển giao tiến bộ kỹ thuật mới cho nông dân trong tiếp cận, ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất, bảo quản, chế biến nông, lâm, thủy sản.

c. Tình hình quản lý chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp theo hướng bền vững tại huyện Ninh Giang giai đoạn 2021- 2024

** Tỷ trọng ngành nông nghiệp trong cơ cấu kinh tế huyện Ninh Giang*

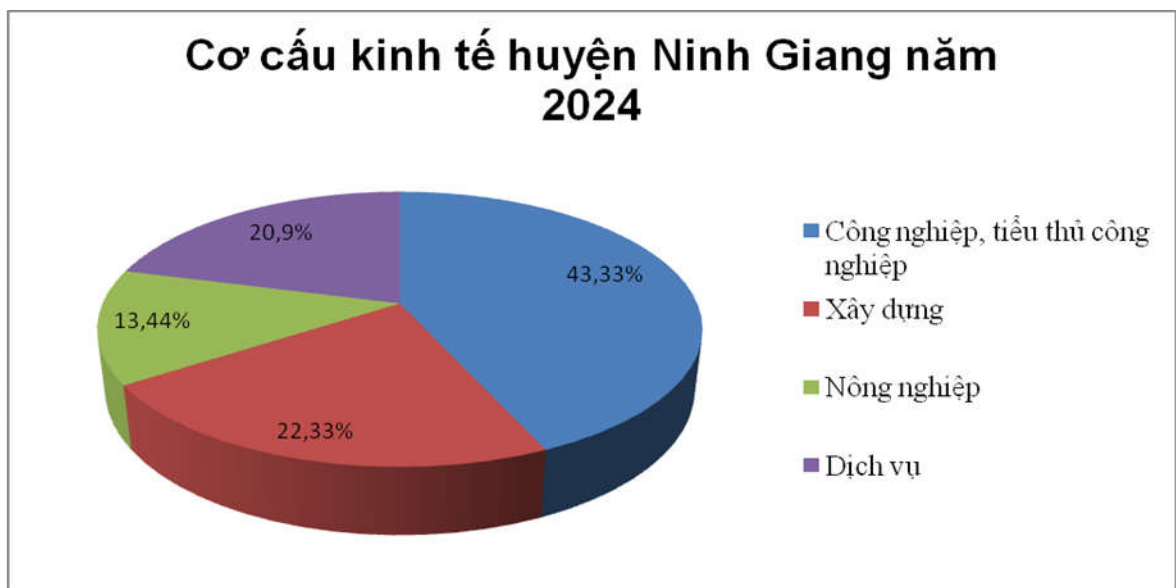
**Bảng 2.2 Cơ cấu ngành kinh tế tại huyện Ninh Giang
giai đoạn 2021 - 2024**

Đơn vị: (%)

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024
Công nghiệp, TTCN	34,24	35,99	39,19	43,33
Xây dựng	22,19	24,20	24,30	22,33
Nông nghiệp	22,65	18,20	15,47	13,44
Dịch vụ	20,92	21,61	21,04	20,90

Nguồn: Niên giám Thống kê huyện Ninh Giang năm 2024

Từ bảng cơ cấu các ngành kinh tế cho thấy tỷ lệ nông nghiệp năm 2024 chỉ chiếm hơn 13%, trong khi tỷ trọng ngành công nghiệp - xây dựng, dịch vụ chiếm trên 85%. Đây chính là kết quả của quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế phù hợp với chủ trương, chính sách phát triển kinh tế trên địa bàn huyện chủ yếu do tác động của quá trình thu hút và phát triển công nghiệp từ bên ngoài vào đầu tư phát triển làm gia tăng khối lượng và tỷ trọng giá trị sản xuất công nghiệp, dịch vụ trên địa bàn;



Hình 2.1 Tỷ trọng ngành nông nghiệp trong cơ cấu kinh tế huyện Ninh Giang

** Chuyển dịch cơ cấu nội bộ ngành nông nghiệp*

Mặc dù gặp nhiều khó khăn do thiên tai, dịch bệnh và ảnh hưởng của quá trình đô thị hoá làm giảm diện tích đất nông nghiệp, nhưng sản xuất nông

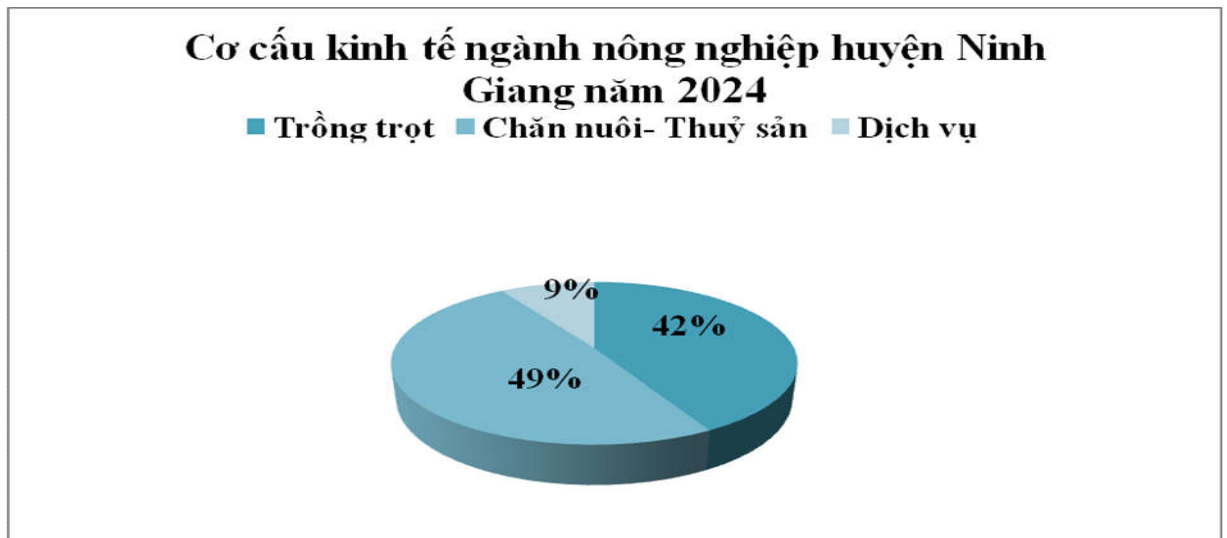
ng nghiệp tiếp tục phát triển theo hướng nâng cao giá trị sản phẩm đồng thời thực hiện chuyển dịch theo hướng: giảm tỷ trọng trồng trọt và tăng tỷ trọng ngành chăn nuôi, thủy sản cũng như các dịch vụ nông nghiệp. Đây là hướng đi đúng đắn và đã đang dần đem lại kết quả khả quan cho bộ mặt nông thôn cũng như cải thiện đáng kể đời sống của nông dân huyện Ninh Giang.

Bảng 2.3 Cơ cấu kinh tế nông nghiệp tại huyện Ninh Giang giai đoạn 2021 - 2024

Đơn vị: Phần trăm (%)

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024
Trồng trọt	44,48	43,99	43,52	42
Chăn nuôi- Thủy sản	47,53	47,84	47,99	49
Dịch vụ	7,99	8,17	8,49	9

Nguồn: báo cáo tổng kết các năm 2021, 2022, 2023, 2024 huyện Ninh Giang



Hình 2.2 Tỷ trọng các lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi - thủy sản, dịch vụ

Nhìn từ bảng số liệu có thể thấy tỷ trọng lĩnh vực trồng trọt trong cơ cấu kinh tế nông nghiệp giảm dần qua các năm (từ 44,8% năm 2021 xuống

còn 42% năm 2024) thay vào đó là sự tăng trưởng của chăn nuôi - nuôi trồng thủy sản và dịch vụ. Điều này phù hợp với xu hướng phát triển chung của nền kinh tế nông nghiệp. Sở dĩ tỷ trọng trồng trọt trong cơ cấu kinh tế nông nghiệp giảm không nhiều là do Ninh Giang được xác định là vùng trọng điểm về an ninh lương thực của tỉnh Hải Dương.

** Diện tích trồng lúa giảm, diện tích trồng các cây khác tăng*

Bảng 2.4 Diện tích canh tác lúa và rau màu tại huyện Ninh Giang giai đoạn 2021 - 2024

Đơn vị: ha

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024
Lúa	12.623,00	12.624,00	12.412,00	12.409,4
Rau màu	1725,3	1785,97	1798	1702,86

Nguồn: báo cáo tổng kết các năm 2021, 2022, 2023, 2024 huyện Ninh Giang

Cây lúa vẫn là cây chủ lực trong sản xuất nông nghiệp của huyện, đóng góp tích cực vào chương trình an ninh lương thực được huyện tập trung chỉ đạo áp dụng các biện pháp thâm canh tiên tiến, tích cực chuyển đổi cơ cấu giống lúa có năng suất cao, chất lượng tốt vào sản xuất. Vị thế và thực trạng sản xuất lúa ở Ninh Giang được xem là một thành công lớn của nông dân trong huyện những năm đổi mới. Những thành công của Ninh Giang trên mặt trận sản xuất nông nghiệp không những thể hiện rõ ở năng suất và sản lượng lúa tăng, mà quan trọng hơn là ở việc bố trí, sắp xếp, thay đổi cơ cấu diện tích cây trồng, mùa vụ hợp lý.

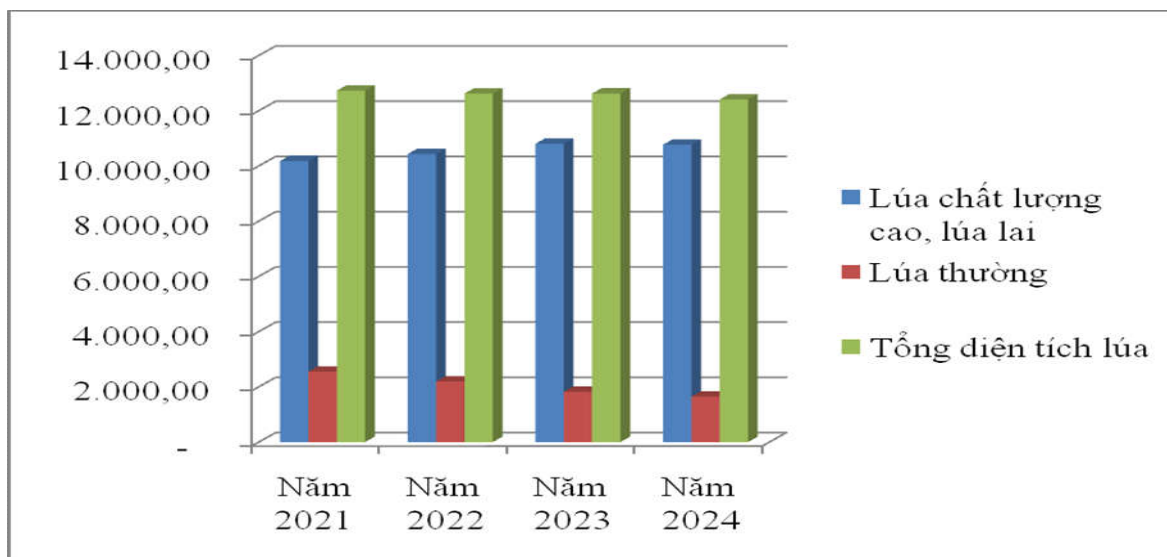
Bảng 2.5 Cơ cấu trà lúa, giống lúa tại huyện Ninh Giang giai đoạn 2021 - 2024

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024
----------	----------	----------	----------	----------

Lúa chất lượng cao, lúa lai	10.178,65	10.432,33	10.802,56	10.767,91
Lúa thường	2.444,35	2.191,67	1.609,44	1.641,49
Tổng diện tích lúa	12.623,0	12.624,0	12.412,0	12.409,4

Nguồn: báo cáo tổng kết các năm 2021, 2022, 2023, 2024 huyện Ninh Giang



Hình 2.3 Diện tích lúa chất lượng cao, lúa lai trong cơ cấu giống

- Như vậy, trong nội bộ ngành trồng trọt đã diễn ra sự chuyển dịch cơ cấu, giảm tỷ trọng diện tích trồng lúa, tăng tỷ trọng diện tích trồng các loại cây khác theo hướng đa dạng hóa sản phẩm hàng hóa.

Năm 2024 đã xây dựng 80 vùng sản xuất lúa tập trung, với quy mô diện tích 30ha/vùng trở lên; có 88% diện tích gieo cấy các giống lúa lai, lúa chất lượng cao; nhiều giống lúa mới có năng suất, chất lượng cao được đưa vào sản xuất; diện tích gieo cấy các giống lúa chất lượng cao được mở rộng; đã có một số mô hình sản xuất cho hiệu quả kinh tế cao. Hệ thống giao thông, thủy lợi tiếp tục được đầu tư, cải tạo, nâng cấp, đảm bảo tốt việc tưới, tiêu phục vụ sản xuất; năng suất lúa bình quân đạt 12,09 tấn/ha/năm.

** Chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản tiếp tục phát triển*

**Bảng 2.6 Đàn gia súc, gia cầm tại huyện Ninh Giang
giai đoạn 2021 - 2024**

Đơn vị: con

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024
Lợn	21.699	28.753	33.482	37.670
Trâu, bò	2.462	2.398	2.324	2.105
Gia cầm	889.920	798.260	979.825	1.141.172
Tổng	914.081	829.411	1.015.631	1.180.947

Nguồn: báo cáo tổng kết các năm 2021, 2022, 2023, 2024 huyện Ninh Giang

Đàn gia súc, gia cầm tăng đều qua các năm, cùng với đó là việc kiểm soát tốt dịch bệnh đã nâng cao giá trị chăn nuôi trong tổng giá trị ngành nông nghiệp. Hình thức chăn nuôi trang trại, gia trại phát triển mạnh (hết năm 2023, toàn huyện có 156 trang trại, gia trại chăn nuôi gia cầm).

Sản xuất của các trang trại gắn với thị trường tiêu thụ. Thu nhập bình quân của các trang trại đạt khoảng 300 - 500 triệu đồng/năm.

**Bảng 2.7 Diện tích nuôi trồng thủy sản tại huyện Ninh Giang
giai đoạn 2021 - 2024**

Đơn vị: ha

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024
1. Diện tích mặt nước NTTS	1.493,70	1.493,30	1.492,38	1.478,83
1.1 DT nuôi cá truyền thống (trắm, trôi, mè, chép)	1.486,70	1.484,30	1.482,38	1.465,33

1.2 DT nuôi thủy, đặc sản (ba ba, ếch, tôm thẻ.....)	7,00	9,00	10,00	13,50
2. DT NTTS ứng dụng công nghệ cao	358,49	335,99	313,4	310,5

Nguồn: báo cáo tổng kết các năm 2021, 2022, 2023, 2024 huyện Ninh Giang

Diện tích, năng suất, sản lượng nuôi thủy sản ổn định qua các năm, tuy nhiên sản lượng thủy sản tăng dần (Từ 6.960 tấn năm 2021 lên 8.048,59 tấn năm 2024).

Ngoài những giống cá truyền thống đã được chọn lọc, nhân giống đáp ứng đủ nhu cầu giống cho nhân dân như: Mè trắng, Trôi, Trắm cỏ, Chép, rô phi, Mrigan. Các giống cá mới có năng suất, chất lượng cao đã đưa vào nuôi thả mang lại hiệu quả kinh tế cao như: cá rô phi đơn tính đực, Cá Chép lai ba máu, Cá Chim trắng, cá rô đồng, cá rô đầu vuông... Các loại thủy sản đặc sản được nuôi ở nhiều địa phương như: Ba ba, ếch, Lươn, Rắn...

Phương thức nuôi được các hộ từng bước chuyển từ nuôi tận dụng sang nuôi bán thâm canh, thâm canh cao. Nhiều mô hình nuôi thâm canh đạt năng suất 12 - 15 tấn/ha.

**. Ứng dụng kỹ thuật và khoa học công nghệ, tích tụ ruộng đất trong sản xuất nông nghiệp là một trong những điều kiện tiên quyết tạo nên thành công chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp theo hướng phát triển bền vững*

- Các tiến bộ kỹ thuật mới, khác tiếp tục được áp dụng vào sản xuất góp phần nâng cao năng suất và hiệu quả sản xuất lúa trong điều kiện giá vật tư cao, thời tiết cực đoan gia tăng, tiếp tục chuyển dịch lao động thủ công sang cơ giới hóa đồng bộ trong sản xuất nông nghiệp tỷ lệ cơ giới hoá các làm đất - gieo cấy - phòng trừ sâu bệnh - thu hoạch lần lượt là 100% - 20,55% -

2% - 99,8%..., Sử dụng phương thức bón phân tổng hợp, phân chuyên dùng, thuốc trừ sâu sinh học nhằm giảm thiểu ô nhiễm môi trường.

- Việc ứng dụng các mô hình nông nghiệp công nghệ cao tiếp tục được hình thành và mở rộng:

+ Đến hết năm 2024 trên địa bàn huyện có 70.000 m² rau màu được sản xuất trong nhà màng, nhà lưới với giá trị trung bình đạt 1 - 1,5 tỷ/năm (gấp 8,3 lần so với giá trị sản xuất ngành nông nghiệp); 10 ha rau màu và 90 ha cây ăn quả (vải sớm và ổi) được sản xuất theo quy trình Viet GAP; 88 ha trồng vải được cấp mã số vùng trồng đạt tiêu chuẩn xuất khẩu sang thị trường các nước Trung Quốc, Nhật Bản và Úc.

+ Toàn huyện có 47 hộ gia đình tích tụ ruộng đất với quy mô từ 5 ha trở lên, tổng diện tích được tích tụ là 493 ha, những diện tích này được các hộ gieo cấy lúa chất lượng cao và tăng vụ bằng các loại cây rau màu giúp tận dụng tối đa hệ số sử dụng đất cũng như góp phần cải tạo đất.

+ Trong lĩnh vực chăn nuôi, thủy sản: Nhiều cơ sở chăn nuôi ứng dụng công nghệ cao tiếp tục được duy trì ổn định đã kiểm soát tốt được dịch bệnh trên đàn gia súc, gia cầm. Công tác tiêm phòng cho đàn gia súc, gia cầm hàng năm đều đạt 100% kế hoạch (tiêm phòng vụ xuân và vụ thu trong năm đạt: 26.000 liều dịch tả, tụ máu lợn; 6.200 liều tai xanh; 6.600 liều lở mồm long móng; 2.000 liều tụ huyết trùng trâu bò; 2.800 liều phòng bệnh dại cho đàn chó), không để xảy ra tình trạng phát sinh dịch trên địa bàn. Đã hình thành nhiều mô hình về kinh tế trang trại, mang lại hiệu quả kinh tế cao như mô hình nuôi cá lồng trên sông với tổng số 150 lồng nuôi; mô hình nuôi cá sông trong ao tại xã Đông Xuyên với diện tích 28,86 ha (54 máng nuôi).

2.2.3 Thực trạng công tác kiểm tra, giám sát quản lý chuyển dịch CCKT nông nghiệp

Song song với việc xây dựng và thực thi pháp luật trong việc quản lý chuyển dịch CCKT nông nghiệp thì công tác kiểm tra, giám sát và thanh tra trong QLNN về chuyển dịch CCKT nông nghiệp cũng đã được các cơ quan của huyện Ninh Giang tổ chức thực hiện theo đúng với quy định của pháp luật.

Công tác kiểm tra, giám sát và thanh tra trong QLNN về chuyển dịch CCKT nông nghiệp được thực hiện trên cơ sở phân tích đánh giá tình hình tuân thủ pháp luật về chuyển dịch CCKT. Công tác kiểm tra, giám sát và thanh tra được đẩy mạnh tập trung vào các dự án và công trình lớn về chuyển dịch CCKT nông nghiệp trên địa bàn huyện hiện nay.

Các cán bộ trong QLNN khi thực hiện công tác kiểm tra, giám sát hiện nay cũng đã phần nào ý thức được trách nhiệm của mình trong khi thực hiện công việc. Các công trình, dự án của huyện đề ra để thực hiện được mọi người thức chấp hành tốt khi thông qua việc kiểm tra của các cán bộ.

Việc đẩy mạnh công tác kiểm tra, giám sát và thanh tra trong quản lý nhà nước về chuyển dịch CCKT nông nghiệp đã tạo ra các động lực cho các chủ thể thực hiện các dự án và công trình về chuyển dịch CCKT được tốt hơn.

2.3. Đánh giá hoạt động quản lý nhà nước về chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp tại huyện Ninh Giang

2.3.1. Kết quả đạt được

a) Công tác thực thi quy hoạch, kế hoạch chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp

Hiện nay công tác quy hoạch chuyển dịch CCKT nông nghiệp đang được huyện quan tâm thực hiện một cách tương đối đầy đủ và nghiêm túc nhất. Để phù hợp hơn với tình hình của huyện hiện nay, việc quy hoạch phát triển ngành nghề của cũng đã phù hợp hơn với điều kiện của hoàn cảnh thực tế các địa phương.

Nhìn chung việc quy hoạch chuyển dịch CCKT nông nghiệp của huyện hiện nay là tương đối phù hợp với chính sách, định hướng phát triển chung của cả nước và đặc biệt hơn là tình hình thực tế tại địa phương.

b) Công tác tổ chức bộ máy quản lý nhà nước về chuyển dịch cấu trúc kinh tế nông nghiệp

Tổ chức bộ máy QLNN về chuyển dịch CCKT nông nghiệp đã được tổ chức theo hướng gọn nhẹ và phù hợp hơn với xu hướng cải cách hành chính hiện nay. Các phòng, ban đã được tinh bố trí và sắp xếp lại một cách khoa học hơn, theo hướng chuyên môn hóa hơn, mỗi bộ phận phụ trách một mảng công tác phù hợp với chuyên môn của mình, từ đó giúp nâng cao tinh thần trách nhiệm và hiệu quả của công việc cũng được nâng lên rất nhiều. Cơ cấu tổ chức đã được huyện xây dựng một cách đồng bộ, thống nhất từ cấp huyện đến cấp xã.

c). Công tác thực hiện các chính sách quản lý nhà nước về chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp

Các chương trình, hoạt động hỗ trợ chuyển dịch CCKT nông nghiệp đã được huyện triển khai thực hiện một cách nhanh chóng nhất và cũng đã mang lại được những kết quả nhất định. Với chính sách khuyến khích đầu tư và thực hiện công tác mời gọi các nhà đầu tư cũng đã phân nào huy động được các nguồn lực trong xã hội, các thành phần kinh tế hỗ trợ tích cực cho quá trình chuyển dịch CCKT nông nghiệp trên địa bàn huyện.

Với điều kiện tự nhiên như hiện nay của huyện, việc thực hiện các công tác đầu tư phát triển, nâng cấp các cơ sở hạ tầng đã được tỉnh quan tâm nhiều hơn và đẩy mạnh thực hiện. Đã có nhiều các dự án, các công trình đã được tỉnh triển khai xây dựng mới tại nhiều khu vực trên địa bàn tỉnh. Kết cấu hạ tầng như: Đường giao thông, mạng lưới điện, bệnh viện, trường

học...bước đầu đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội và chuyển dịch CCKT nông nghiệp ngày càng thuận lợi.

d) Công tác cải cách thủ tục hành chính về chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp

Trong quá trình chuyển dịch CCKT nông nghiệp, hệ thống thể chế hành chính của huyện hiện nay đã thể hiện rõ các bước phát triển cải cách theo hướng tích cực và phù hợp hơn với tình hình thực tế của địa phương. Những thủ tục hành chính liên quan đến chuyển dịch CCKT nông nghiệp đã được cải tiến, chuẩn hóa theo hướng ngày càng gọn nhẹ, đơn giản.

2.3.2. Những hạn chế

Hiệu quả quản lý nhà nước của chính quyền huyện chưa thực sự thể hiện được vai trò đôn đốc, định hướng cho người nông dân thực hiện các chính sách và biện pháp chuyển đổi cơ cấu kinh tế nông nghiệp.

Thứ nhất, Công tác lập kế hoạch và triển khai thực hiện kế hoạch vẫn đang còn nhiều lúng túng, bất cập.

Công tác lập kế hoạch chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp của huyện còn nhiều bất cập do các cơ quan chức năng của huyện vẫn chú trọng chủ yếu vào phát triển ngành nông nghiệp truyền thống thay vì phát triển ngư nghiệp. Trong nội bộ ngành nông nghiệp chính quyền huyện lại ưu tiên phát triển trồng trọt đặc biệt là canh tác trồng lúa nước mà bỏ qua các loại cây hoa màu khác có thể cho năng suất cao hơn do chúng hợp với thổ nhưỡng đất canh tác của huyện.

Chính quyền huyện Ninh Giang chưa có kế hoạch quy hoạch tổng thể phát triển cho từng ngành sản phẩm gắn với vùng sản xuất chuyên canh, một số ngành sản phẩm đã có quy hoạch nhưng quản lý còn chưa tốt và chưa có các biện pháp phù hợp nên chưa có tác dụng tích cực trong chuyển dịch cơ

cầu kinh tế ngành khiến cho hoạt động sản xuất nông nghiệp của huyện vẫn rơi vào tình trạng manh mún, tự phát.

Môi trường kinh doanh và đầu tư của tỉnh vẫn còn nhiều bất cập, thực tế đã cho thấy chính sách thu hút đầu tư của tỉnh chưa có đủ sự hấp dẫn để thu hút được các nhà đầu tư chiến lược trong và ngoài nước dành sự quan tâm để đầu tư vào huyện. Ngoài ra thì việc thu hút đầu tư nước ngoài vẫn đang còn đi sau so với các huyện khác.

Thứ hai, Trình độ chuyên môn nghiệp vụ của đội ngũ cán bộ, công chức còn hạn chế.

Trình độ chuyên môn nghiệp vụ của các cán bộ trong công tác QLNN về vấn đề chuyển dịch CCKT nông nghiệp vẫn đang còn nhiều hạn chế, yếu kém đã dẫn đến việc quy hoạch các ngành nghề truyền thống của tỉnh vẫn đang chưa được triển khai một cách có hiệu quả nhất, do đó đã ảnh hưởng ít nhiều đến việc đầu tư của các nhà kinh doanh, dẫn đến tình trạng phát triển của một số ngành trên địa bàn tỉnh vẫn đang còn mang tính chất tự phát và phân tán, vẫn đang còn tồn tại nhiều hạn chế.

Trình độ của cán bộ công chức vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu và đòi hỏi cho quá trình chuyển dịch CCKT nông nghiệp, vẫn chưa bắt kịp được với xu thế phát triển của thời đại.

Khả năng hiểu biết và vận dụng được các chủ trương, chính sách pháp luật vẫn còn chưa được chuyên sâu, tư duy kinh tế, tầm nhìn chiến lược của các chủ thể quản lý vẫn còn rất hạn hẹp, chưa đủ khả năng tìm tòi, phát hiện ra các ưu điểm và thế mạnh của tỉnh mình để từ đó có thể xây dựng và triển khai được các chương trình hành động về chuyển dịch CCKT nông nghiệp một cách có hiệu quả nhất.

Thứ ba, cơ chế phối hợp giữa các cơ quan quản lý và các đơn vị hoạt động về chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp chưa thực sự đạt hiệu quả.

Việc thực hiện cơ chế phối hợp giữa các cơ quan quản lý và các đơn vị hoạt động và QLNN về việc chuyển dịch CCKT nông nghiệp chưa tạo ra được sự thống nhất và gắn kết chặt chẽ nhất. Những cố gắng đổi mới bộ máy quản lý của tỉnh được thể hiện như: Cải cách hành chính, củng cố và sắp xếp lại bộ máy tổ chức, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho các cán bộ, công chức chưa thật sự mang lại hiệu quả như mong muốn.

Cơ chế phối hợp giữa các cơ quan chưa được xây dựng hoàn chỉnh, chưa được lập thành một quy trình khoa học thống nhất cho toàn hệ thống của các cơ quan trên địa bàn huyện hiện nay, chính vì vậy mà đã dẫn đến tình trạng lúng túng trong khi thực hiện công việc, tạo ra sự đùn đẩy trách nhiệm cho nhau khi có một vấn đề nào đó nảy sinh.

Trong công tác điều hành, Chính quyền huyện Ninh Giang tổ chức, điều hành chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp còn quá phân tán, nhỏ lẻ, chủ yếu theo quy mô hộ gia đình, lấy sản xuất tự cung, tự cấp làm hướng chính. Việc tổ chức, điều hành theo hướng sản xuất hàng hoá tập trung, quy mô lớn, kỹ thuật hiện đại gắn với công nghiệp chế biến và xuất khẩu chưa được chính quyền huyện quan tâm đúng mức và đầu tư thỏa đáng.

Hạn chế đó đã cho thấy vai trò chỉ đạo của chính quyền huyện và chính quyền xã chưa thật sự cao, cũng chỉ mới dừng lại ở khâu lập kế hoạch mà chưa đi sâu vào công tác hướng dẫn, chỉ đạo thực hiện một cách cụ thể, công tác điều phối giữa các cơ quan chức năng liên quan cũng chưa thật sự được quan tâm đúng mức.

Thứ tư, hạn chế trong công tác thanh tra, kiểm tra công tác chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp.

Trong thời gian vừa qua, chính quyền huyện Ninh Giang đã có tổ chức hoạt động kiểm tra xuống các địa phương thực hiện chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp song tần suất kiểm tra còn ít chưa thường xuyên nên không

phát hiện kịp thời những sai sót trong quá trình chuyển dịch kinh tế nông nghiệp. Đồng thời tổ kiểm tra cũng chưa có những biện pháp xử lý nghiêm các vi phạm phát hiện được do đó các sai phạm trong chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp còn phổ biến như sản phẩm nông nghiệp của huyện có hàm lượng thuốc bảo vệ nhiều, các địa phương thực hiện chuyển dịch kinh tế nông nghiệp không theo chủ trương ban hành.

2.3.3. Nguyên nhân của những hạn chế

a) Nguyên nhân chủ quan

- Nhận thức về vị trí, vai trò của nông nghiệp và chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp. Nhận thức của một số lãnh đạo đơn vị, địa phương về chuyển dịch CCKT nông nghiệp thiếu đầy đủ, chưa sâu sắc, dẫn đến sự chỉ đạo, triển khai chưa kịp thời, chậm đáp ứng yêu cầu đổi mới, nhận thức về vai trò của nông nghiệp, nông dân, chưa thống nhất, chưa bám sát thực tiễn, dẫn tới thiết lập hệ thống các quan điểm lý luận về phát triển kinh tế nông nghiệp thiếu đầy đủ, chưa hình thành một cách bài bản.

Sự chuyển biến về nhận thức quản lý trong tổ chức SXNN chưa theo kịp thực tiễn, còn lúng túng trong chỉ đạo chuyển dịch CCKT nông nghiệp; cách tiếp cận trong nhiều lĩnh vực vẫn theo tư duy cũ, chậm thay đổi. Nhiều xã chưa thực thực sự quan tâm chỉ đạo, không triển khai mạnh mẽ trong thực tiễn sản xuất.

Công tác tổ chức chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ QLNN còn nhiều bất cập, công tác triển khai chính sách, chủ trương của nhà nước chưa sát sao.

- Đầu tư cho nông nghiệp còn hạn chế. Đầu tư cho nông nghiệp đã có xu hướng tăng nhưng còn hạn chế, chưa tương xứng với vai trò của ngành nông nghiệp. Việc phân bổ vốn đầu tư công trong nội bộ ngành nông nghiệp chưa cân đối, tập trung chủ yếu cho hạ tầng cơ bản có tính chất phi sản xuất hoặc thủy lợi.

- Hạn chế của đội ngũ cán bộ quản lý của huyện.

Trên địa bàn huyện đội ngũ cán bộ nhất là cán bộ quản lý tổ chức và chuyên môn chuyên sâu về nông nghiệp còn thiếu và trình độ năng lực thấp, các mô hình trình diễn, các dự án thí điểm còn ít dẫn đến người dân khi chưa được “mục sở thị” nên chất lượng lao động nông nghiệp chưa đáp ứng yêu cầu của chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, vì vậy chưa đáp ứng được nhu cầu phát triển kinh tế hàng hóa. Trong khi đó công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ cơ sở về kỹ thuật và quản lý kinh tế nông nghiệp còn chưa được quan tâm đúng mức, chính quyền huyện chưa có chính sách thu hút nhân tài về làm việc lâu dài và phục vụ sản xuất nông nghiệp, công tác đào tạo nghề cho nông dân, cán bộ xã, hợp tác xã, chủ trang trại còn chưa hiệu quả.

- Cải cách hành chính chậm, quản lý nhà nước còn nhiều bất cập Quá trình triển khai các nhiệm vụ cải cách hành chính diễn ra còn chậm so với yêu cầu đẩy mạnh đổi mới để phát triển, người dân, doanh nghiệp đang cần những điều kiện thuận lợi để sản xuất nông nghiệp, giảm chi phí và nâng cao năng lực cạnh tranh trong hội nhập kinh tế. Bộ máy QLNN vẫn chưa tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả quản lý chưa cao; sự phân công, phối hợp giữa các cơ quan còn hạn chế: công tác quản lý VSATTP, quản lý tài nguyên môi trường...

- Việc áp dụng khoa học - công nghệ chưa phổ biến

Những biện pháp hỗ trợ về khoa học công nghệ, chuyển giao và đào tạo công nghệ cho người nông dân đối với các ngành nghề mới cần chuyển đổi là chưa hiệu quả. Khoa học công nghệ là một trong những nội dung rất quan trọng trong thúc đẩy phát triển kinh tế nông nghiệp. Yếu tố khoa học công nghệ là nền tảng cho sự phát triển cơ cấu kinh tế nông nghiệp và đẩy mạnh việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp.

Theo đánh giá của người dân thì việc áp dụng khoa học công nghệ vẫn còn chưa đáp ứng được yêu cầu cho sản xuất với mục tiêu giảm thiểu chi phí

và sức lao động chân tay cho người dân. Như vậy có thể thấy KHCN vẫn chưa được đánh giá cao. Do đó, để công tác chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp đạt được hiệu quả cao cần tiếp tục đẩy mạnh KHCN vào ứng dụng trong nông nghiệp tại huyện Ninh Giang.

b) Nguyên nhân khách quan

- Điều kiện tự nhiên nhiều bất ổn

Việt Nam là nước nằm trong khu vực nhiệt đới gió mùa, thời tiết có phần khắc nghiệt, ảnh hưởng lớn đến sản xuất nông nghiệp, chịu nhiều thiên tai. Điều này gây khó khăn cho công tác quản lý, xây dựng và thực hiện chiến lược phát triển nông nghiệp và chuyển dịch CCKT nông nghiệp.

Vấn đề căn bản là lựa chọn được cơ cấu cây trồng, vật nuôi, cơ cấu nghề nghiệp để huy động và khai thác có hiệu quả nhất những lợi thế so sánh về tự nhiên, tránh và hạn chế rủi ro cũng như những tác động bất lợi của tự nhiên để tăng năng suất cây trồng, vật nuôi, hạ giá thành, nâng cao chất lượng sản phẩm, góp phần cạnh tranh thắng lợi trong nền kinh tế thị trường.

Do vậy, chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp phải bố trí được cơ cấu cây trồng, vật nuôi tương thích với điều kiện thổ nhưỡng, chế độ thủy văn, ánh sáng, khí hậu, phải tôn trọng các quy luật tự nhiên để đảm bảo năng suất cây trồng, vật nuôi cao nhất, đảm bảo mức sinh lời lớn với chi phí thấp, qua đó đạt hiệu quả kinh doanh cao nhất.

- Thách thức của Hội nhập kinh tế Hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu rộng đem lại nhiều thách thức đối với nông nghiệp Việt Nam, sức ép của thị trường đã tạo nên sự cạnh tranh khốc liệt của hàng hóa nông sản nước ta với các nước có lợi thế về SXNN như Thái Lan, Hàn Quốc... và các nước có nền kỹ thuật hiện đại tiên tiến như Nhật Bản, Hoa Kỳ...

- Trình độ lao động nông nghiệp truyền thống

Trình độ của người dân đã đang được nâng cao tuy nhiên vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu chuyển dịch CCKT, đặc biệt trong việc tiếp thu các tiến bộ khoa học kỹ thuật.

Trình độ, kỹ năng của người lao động, tập quán canh tác, ngành nghề truyền thống chi phối mạnh mẽ đến bố trí cơ cấu cây trồng, vật nuôi, cơ cấu sản phẩm ở mỗi vùng, mỗi địa phương. Các nghề tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ cũng tác động tích cực tới việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp.

Muốn chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng CNH, HĐH tất yếu phải phát triển lực lượng sản xuất, trong đó lực lượng lao động là nhân tố hàng đầu. Chỉ có đội ngũ lao động với chất lượng cao, cơ cấu hợp lý mới có khả năng tiếp thu được khoa học công nghệ, nhất là công nghệ tin học, sinh học để phát triển kinh tế nông nghiệp, nông thôn và ứng dụng chúng trong hoạt động sản xuất nông nghiệp. Tư tưởng ngại đổi mới và sợ bị lỗ ảnh hưởng rất lớn đến khả năng táo bạo trong việc mở rộng các hoạt động sản xuất nông nghiệp và đầu tư vốn cho dịch vụ nông nghiệp.

Tiểu kết chương 2

Công tác QLNN về chuyển dịch CCKT nông nghiệp luôn được sự quan tâm của tỉnh Hải Dương và UBND huyện Ninh Giang. Trong thời gian qua huyện cũng đã chú trọng đến công tác chuyển dịch CCKT nông nghiệp, thực hiện đồng bộ các giải pháp cụ thể nhằm nâng cao giá trị sản xuất hoạt động nông nghiệp. Các kết quả đạt được đã và đang đưa nền kinh tế của huyện phát triển một cách đáng kể và nâng cao đời sống cho người dân trên địa bàn huyện. Tuy nhiên, trong công tác quản lý còn gặp nhiều vướng mắc về công tác lập kế hoạch thực hiện cũng như sự phối hợp giữa các cơ quan còn chưa chặt chẽ, trình độ của một số công chức còn thấp chưa đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ công việc. Vì vậy nhìn chung hoạt động QLNN về chuyển dịch

CCKT nông nghiệp trên địa bàn huyện chưa đạt được kết quả như mong đợi dựa trên tiềm năng vốn có của mình.

Ở chương 2, tác giả tập trung phân tích thực trạng QLNN về chuyển dịch CCKT nông nghiệp tại huyện Ninh Giang trong giai đoạn hiện nay. Theo đó chỉ ra những kết quả đạt được, những thành công đối với hoạt động QLNN về chuyển dịch CCKT nông nghiệp, tạo cơ sở để tiếp tục phát huy cũng như xác định rõ những tồn tại hạn chế và nguyên nhân của chúng để từ đó rút ra một số bài học kinh nghiệm và có những định hướng, giải pháp đẩy mạnh công tác QLNN về chuyển dịch CCKT nông nghiệp được đề xuất ở Chương 3.

CHƯƠNG 3

GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN QUẢN LÝ CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU KINH TẾ NÔNG NGHIỆP THEO HƯỚNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG TẠI HUYỆN NINH GIANG TỈNH HẢI DƯƠNG

3.1 Phương hướng, chiến lược chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp theo hướng phát triển bền vững của Quốc gia, tỉnh Hải Dương, huyện Ninh Giang.

3.1.1 Phương hướng, chiến lược chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp theo hướng phát triển bền vững của Quốc gia

Tiếp tục hoàn thiện chính sách, pháp luật về nông nghiệp, nông dân, nông thôn. Sửa đổi, bổ sung chính sách, pháp luật đất đai bảo đảm quản lý, sử dụng bền vững, hiệu quả đất nông nghiệp, thúc đẩy tích tụ, tập trung, sử dụng linh hoạt, hiệu quả đất lúa; khắc phục tình trạng bỏ hoang, làm thoái hoá đất;

Cơ cấu lại nông nghiệp thực chất, hiệu quả, khai thác và phát huy lợi thế nền nông nghiệp nhiệt đới, tiềm năng, lợi thế của từng vùng, miền, địa phương. Đẩy mạnh tích tụ, tập trung đất đai; phát triển nông nghiệp theo

hướng hiện đại, chuyên canh hàng hoá tập trung, quy mô lớn, bảo đảm an toàn thực phẩm dựa trên nền tảng ứng dụng khoa học - công nghệ tiên tiến, chuyển đổi số, cơ giới hoá, tự động hoá; gắn kết chặt chẽ nông nghiệp với công nghiệp, dịch vụ, sản xuất với bảo quản, chế biến và tiêu thụ nông sản. Khuyến khích phát triển nông nghiệp xanh, hữu cơ, tuần hoàn, chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP), giảm phát thải khí nhà kính... Tiếp tục đầu tư, cải tạo, nâng cấp, xây dựng mới kết cấu hạ tầng sản xuất nông nghiệp, ưu tiên các công trình, dự án phục vụ cơ cấu lại nông nghiệp, ứng phó với biến đổi khí hậu.

Phát triển mạnh công nghiệp sản xuất giống cây trồng và vật nuôi có năng suất, chất lượng cao, chống chịu được dịch bệnh, thích ứng với biến đổi khí hậu; bảo tồn và phát triển giống bản địa có giá trị cao; có cơ chế phù hợp để thúc đẩy các viện, trường, doanh nghiệp nghiên cứu, chọn, tạo giống; nâng cao năng lực tự chủ trong sản xuất thức ăn chăn nuôi; đẩy mạnh nghiên cứu, làm chủ công nghệ sản xuất vắc xin, thuốc thú y, thuốc bảo vệ thực vật, thiết bị, vật tư nông nghiệp. Tổ chức lại sản xuất, phát triển mạnh kinh tế trang trại, kinh tế hợp tác, trọng tâm là hợp tác xã, doanh nghiệp nông nghiệp; thúc đẩy liên kết, hợp tác theo chuỗi giá trị, nâng cao giá trị gia tăng. Phát triển đồng bộ, hiệu quả hệ thống kỹ thuật chuyên ngành thú y, bảo vệ và kiểm dịch thực vật, động vật, quản lý an toàn thực phẩm. Quản lý chặt chẽ chất lượng vật tư nông nghiệp, nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống dịch bệnh. Xây dựng các chuỗi cung ứng thực phẩm an toàn, chất lượng; xử lý nghiêm vi phạm trong sản xuất kinh doanh vật tư nông nghiệp và an toàn thực phẩm.

Phát triển mạnh công nghiệp ở nông thôn, nhất là công nghiệp chế biến nông sản, công nghiệp sản xuất thiết bị, máy móc, vật tư phục vụ nông nghiệp. Đầu tư phát triển các cụm công nghiệp, làng nghề phù hợp với quy hoạch và điều kiện cụ thể tại địa phương; tạo môi trường kinh doanh thuận lợi

thu hút các thành phần kinh tế đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn, hình thành các doanh nghiệp có quy mô lớn sản xuất kinh doanh các sản phẩm nông nghiệp; tạo nhiều việc làm tại chỗ, nâng cao thu nhập cho lao động nông thôn.

3.1.2 Phương hướng chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp theo hướng phát triển bền vững của tỉnh Hải Dương

Đẩy mạnh cơ cấu lại ngành nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa tập trung, ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ hướng tới nông nghiệp thông minh để nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững, gắn liền tăng trưởng xanh và chuyển đổi số. Trong đó tập trung vào một số nội dung sau:

- Quy hoạch, phát triển các vùng trọng điểm, chuyên canh sản xuất các sản phẩm nông nghiệp chủ lực của tỉnh, chuyển từ tư duy sản xuất nông nghiệp sang tư duy kinh tế nông nghiệp, nông thôn.

- Chú trọng phát triển sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp an toàn, nông nghiệp hữu cơ gắn liền với ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ và cơ giới hóa trong sản xuất, bảo quản chế biến.

- Phát huy tiềm năng của các sản phẩm truyền thống, sản phẩm lợi thế, chủ lực của tỉnh gắn với quy trình tiêu chuẩn hóa sản phẩm theo tiêu chuẩn trong nước và quốc tế, tạo nhiều giá trị khác biệt.

- Chuyển đổi và sử dụng linh hoạt đất trồng lúa sang trồng cây rau màu, cây hằng năm khác, cây ăn quả có hiệu quả kinh tế cao hơn nhằm bảo đảm phát triển hài hòa giữa kinh tế, hiệu quả sử dụng đất và đảm bảo an ninh lương thực.

- Đổi mới tổ chức sản xuất, gắn sản xuất với thị trường trên cơ sở tích tụ đất đai, thu hút các doanh nghiệp đầu tư hình thành các liên kết theo chuỗi giá trị từ sản xuất, chế biến đến tiêu thụ ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật. Gắn phát triển sản xuất nông nghiệp kết hợp với du lịch sinh thái. Quan tâm

đẩy mạnh xúc tiến thương mại, xây dựng thương hiệu cho các sản phẩm nông nghiệp có lợi thế nhằm nâng cao giá trị gia tăng ngành nông, lâm nghiệp, thủy sản.

Quan tâm phát triển công nghiệp phục vụ nông nghiệp. Xây dựng các cơ chế, chính sách thu hút đầu tư vào nông nghiệp. Huy động và thực hiện đa dạng hóa các nguồn lực đầu tư cho nông nghiệp và phát triển nông thôn.

Phấn đấu đến năm 2025 thu nhập của cư dân nông thôn tăng ít nhất 1,5 lần so với năm 2020.

3.1.3 Phương hướng chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp theo hướng phát triển bền vững của huyện Ninh Giang

- Sản xuất theo hướng chuyển dịch cơ cấu cây trồng, gắn với thị trường tiêu thụ, tổ chức lại sản xuất theo chuỗi giá trị để nâng cao giá trị gia tăng; phát triển mạnh các vùng sản xuất hàng hoá tập trung gắn với bảo quản, chế biến và tiêu thụ theo chuỗi giá trị, ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật nâng cao giá trị các loại cây trồng.

- Duy trì và mở rộng các loại cây trồng cho hiệu quả kinh tế ổn định như cây ngô tại các xã An Đức, Hồng Phong, Văn Hội; đặc biệt chú ý đưa vào gieo trồng các loại ngô cho năng suất, chất lượng cao đáp ứng nhu cầu thị trường...

- Đa dạng cơ cấu các loại rau màu, phát triển mạnh rau màu đang có thị trường tiêu thụ như: bắp cải, súp lơ, ớt, cà rốt, củ đậu, dưa lê, dưa chuột, các loại rau quả,...tập trung ở các xã Hưng Long, Tân Quang, Văn Hội, Hồng Phong; đưa cơ giới hoá các khâu vào sản xuất rau màu từ làm đất, lên luống, gieo hạt, phun thuốc BVTV; tăng cường sử dụng các loại giống mới kết hợp với áp dụng quy trình sản xuất an toàn theo hướng VietGap, nâng cao chất lượng, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm. Phấn đấu có 50 ha rau màu sản xuất theo tiêu chuẩn VietGap.

- Duy trì và mở rộng thêm diện tích ứng dụng nông nghiệp công nghệ cao, sản xuất trong nhà màng, nhà lưới tập trung ở các xã: Tân Quang, Ứng Hoà, Vĩnh Hoà... Phấn đấu đến năm 2025 mở rộng diện tích nhà màng, nhà

lưới lên 70.000 m², trong đó có 50.000 m² kết hợp tưới nước và bón phân tự động, bán tự động có hệ thống camera giám sát và thiết bị cảm biến tự động kết nối điện thoại thông minh để điều khiển bón phân, tưới nước tự động từ xa.

- Tiếp tục duy trì và mở rộng các mô hình sản xuất cây ăn quả theo tiêu chuẩn VietGap tại các xã Hiệp Lực, Hồng Phong, Vĩnh Hoà... Phấn đấu đến năm 2025 diện tích sản xuất cây ăn quả theo tiêu chuẩn VietGap là 100 ha.

- Xây dựng và từng bước mở rộng các vùng sản xuất rau, quả đạt tiêu chuẩn xuất khẩu. Phấn đấu đến năm 2025 có 100 ha rau, quả đạt tiêu chuẩn xuất khẩu đáp ứng nhu cầu thị trường.

- Tranh thủ cơ chế chính sách ưu đãi của tỉnh để đẩy mạnh thu hút đầu tư vào lĩnh vực bảo quản, chế biến nông sản, đặc biệt chế biến sâu các mặt hàng nông sản chủ lực của huyện như: vải, rau, củ quả các loại. Cơ cấu lại sản xuất nông nghiệp theo hướng tổ chức sản xuất hàng hóa quy mô lớn để tạo nguồn nguyên liệu ổn định cho công nghiệp bảo quản, chế biến.

- Khuyến khích các công ty chế biến xuất khẩu mở rộng quy mô, cải tiến công nghệ, nâng công suất để liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp cho nông dân như công ty Hùng Sơn, Công ty Hương Quỳnh Đăng...

- Phát triển chăn nuôi theo hướng tập trung, quy mô lớn, nâng cao năng suất, chất lượng và đảm bảo an toàn dịch bệnh, khuyến khích chăn nuôi ứng dụng những tiến bộ khoa học như công nghệ enzyme thủy phân, đệm lót sinh học, chế phẩm sinh học, biogas,... vào giải quyết triệt để phụ phẩm, chất thải chăn nuôi thành giá trị hữu ích tái sử dụng, bảo vệ môi trường, phấn đấu đến năm 2025, toàn huyện có từ 5-10 cơ sở chăn nuôi đáp ứng tiêu chí sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao (chăn nuôi khép kín tự động, bán tự động, có hệ thống làm mát tự động, đệm lót sinh học, nuôi an toàn sinh học,...).

Ưu tiên phát triển những sản phẩm chăn nuôi có lợi thế và khả năng cạnh tranh.

- Chú trọng đầu tư hạ tầng cơ sở, đặc biệt là hệ thống thủy lợi cho các vùng nuôi trồng thủy sản tập trung; tập trung nuôi thâm canh đối tượng thủy sản chủ

lực như: cá rô phi đơn tính, cá Trắm cỏ, cá Chép, cá Trôi Ấn Độ, cá Diêu hồng...; tiếp tục đa dạng hóa đối tượng và phương pháp nuôi để nâng cao năng suất, chất lượng; khuyến khích nuôi công nghiệp, quy trình thực hành nuôi tốt, từng bước áp dụng công nghệ cao đảm bảo an toàn dịch bệnh và môi trường. Đặc biệt không sử dụng thuốc, hoá chất, kháng sinh bị cấm trong sản xuất kinh doanh thủy sản để sản phẩm đảm bảo an toàn thực phẩm.

Duy trì, ổn định, nâng cao hiệu quả các vùng nuôi trồng thủy sản tập trung đã được phê duyệt; Duy trì và mở rộng các mô hình nuôi thủy sản có năng suất cao áp dụng đồng bộ các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất.

3.2 Giải pháp hoàn thiện quản lý chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp theo hướng phát triển bền vững tại huyện Ninh Giang

3.2.1 Nhóm Giải pháp về quy hoạch, kế hoạch

*** Mục tiêu**

Nhằm hoạch định rõ ràng về quá trình thực hiện chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, phân kì thực hiện các nhiệm vụ.

*** Nội dung thực hiện**

Tập trung rà soát, điều chỉnh các quy hoạch ngành, lĩnh vực và quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất để cơ cấu lại quỹ đất, cơ cấu lại sản phẩm, trong đó chú trọng đến tính kết nối vùng, liên vùng, tích tụ ruộng đất, tạo quỹ đất thu hút đầu tư của doanh nghiệp và quỹ đất dành cho các hoạt động ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp. Vận động, khuyến khích người dân tích tụ tập trung ruộng đất để phát triển sản xuất quy mô lớn; chuyển đổi một cách linh hoạt mục đích sử dụng đất trong nội bộ ngành nông nghiệp từ đất trồng lúa sang trồng cây rau màu, cây hàng năm khác và các mô hình canh tác kết hợp có hiệu quả kinh tế cao hơn trồng lúa (nhưng vẫn đảm bảo trồng lúa trở lại khi cần thiết).

Quy hoạch sử dụng đất nông nghiệp cần đồng bộ với quy hoạch vùng, quy hoạch nông thôn mới của các địa phương trên địa bàn huyện.

Áp dụng các phương pháp sản xuất tiên tiến, hiện đại để sử dụng hiệu quả, hợp lý nguồn tài nguyên đất, nâng cao hệ số sử dụng đất; kiểm soát chặt chẽ quy hoạch sử dụng đất, đặc biệt là đất nông nghiệp.

** Điều kiện thực hiện*

- Lực lượng công chức, cấp uỷ chính quyền các cấp.
- Về khoa học thuật: Áp dụng các phương pháp sản xuất tiên tiến, hiện đại để sử dụng hiệu quả, hợp lý nguồn tài nguyên đất, nâng cao hệ số sử dụng đất; kiểm soát chặt chẽ quy hoạch sử dụng đất, đặc biệt là đất nông nghiệp.

3.2.2 Nhóm giải pháp về tổ chức thực hiện

a. Mục tiêu

Nhằm giải quyết những khó khăn trong việc bố trí nguồn nhân lực thực hiện các nhiệm vụ về chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp.

- Lực lượng công chức các cấp, các lực lượng tham gia sản xuất nông nghiệp.

b. Nội dung thực hiện

** Giải pháp về nhân lực*

Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của các cơ quan chuyên môn để đáp ứng yêu cầu phát triển nông nghiệp, nông thôn theo định hướng tái cơ cấu ngành. Chú trọng đào tạo nâng cao trình độ quản lý Nhà nước, lý luận chính trị cho đội ngũ cán bộ quản lý các cấp, nhằm nâng cao năng lực tham mưu và tổ chức triển khai các chính sách đáp ứng yêu cầu phát triển nông nghiệp, nông thôn.

Xây dựng kế hoạch phối hợp với các cơ quan chuyên môn của tỉnh, các cơ quan, ban ngành, đoàn thể huyện trong công tác tập huấn kỹ thuật, đào tạo nghề cho nông dân nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực lao động trong lĩnh vực sản xuất nông nghiệp trên địa bàn huyện hướng đến sản xuất ứng dụng công nghệ cao. Tăng cường liên kết và phối hợp với các công ty, doanh nghiệp có khả năng thu hút lao động qua đào tạo nghề.

** Giải pháp về ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất*

- *Ứng dụng khoa học công nghệ trong sản xuất*

+ Đưa các giống lúa mới năng suất, chất lượng cao thời gian sinh trưởng ngắn vào sản xuất phục vụ cho cơ cấu mùa vụ đảm bảo năng suất và hiệu quả 2 vụ lúa.

+ Với lúa tiếp tục chỉ đạo giảm tối đa diện tích luân trung, tiến tới bỏ trà luân trung, tăng diện tích luân muộn lên tối đa.

+ Các cây rau màu: cải bắp, súp lơ, ngô, dưa lê, dưa hấu, cần tạo mọi điều kiện đưa nhanh các giống mới đáp ứng yêu cầu thị trường cho cả 3 vụ luân, hè thu, vụ đông để nâng cao thu nhập.

+ Thúc đẩy cơ giới hoá gắn với việc giảm giá thành sản xuất, chú trọng việc chuyển giao khoa học kỹ thuật cho người nông dân nhằm đẩy nhanh việc áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật mới về giống, về phương thức gieo trồng, chăm sóc, nuôi dưỡng, sử dụng các loại thuốc, vắc xin phòng trị bệnh, tăng cường sử dụng các chế phẩm sinh học,... vào sản xuất.

+ Xây dựng hệ thống tự động hóa trong lĩnh vực thủy sản bao gồm: cho cá ăn loại thức ăn viên công nghiệp bằng máy phun thức ăn; sử dụng máy trộn dinh dưỡng vào thức ăn phòng trị bệnh thủy sản nuôi thay thế phương pháp thủ công; hệ thống tự động đo quan trắc các chỉ số về thủy lý, thủy hóa môi trường ao nuôi kết nối với điện thoại cầm tay thông minh và máy tính có thể ghi nhận các kết quả về tình hình diễn biến chất lượng nước ao nuôi, sử dụng máy bổ sung oxy, máy guồng, máy tạo sóng...trong ao nuôi và nuôi cá lồng để tạo oxy, dòng chảy, giúp tăng cường xử lý chất thải, duy trì môi trường ổn định cho ao nuôi.

- Xây dựng các mô hình nông nghiệp công nghệ cao

Từng bước áp dụng công nghệ cao trong sản xuất như sản xuất trong nhà màng, nhà lưới đối với sản phẩm rau, quả các loại, đặc biệt là các loại rau quả có giá trị, chất lượng cao; sản xuất theo quy trình thực hành nông nghiệp tốt (GAP). Phối kết hợp với các đơn vị, các viện nghiên cứu, doanh nghiệp triển khai các mô hình trình diễn, ứng dụng kịp thời và hiệu quả những công nghệ tiên tiến vào sản xuất.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, khuyến nông

+ Tăng cường công tác thông tin tuyên truyền, phổ biến và quán triệt nội dung Đề án đến toàn thể cán bộ, đảng viên và nhân dân. Tạo đồng thuận cao trong cả hệ thống chính trị, cán bộ chuyên môn, quản lý nhà nước các cấp, các doanh nghiệp và người nông dân về việc từng bước thay đổi tư duy, tập quán sản xuất truyền thống sang phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa quy mô lớn, gắn với việc tái cơ cấu lại mùa vụ, đối tượng và hình thức tổ chức sản xuất nhằm khai thác hiệu quả tiềm năng đất đai, lao động, tăng thu nhập cho người dân.

+ Tăng cường tổ chức các lớp tập huấn về kỹ thuật sản xuất của từng loại cây, đào tạo huấn luyện áp dụng phương pháp phòng trừ sâu bệnh tổng hợp, để người nông dân có đủ hiểu biết đầu tư phát triển sản xuất. Nâng cao năng lực của hệ thống khuyến nông cơ sở. Thực hiện xã hội hóa đào tạo nghề đảm bảo cho nông dân tiếp cận được các công nghệ mới đưa vào áp dụng trong sản xuất, sử dụng các thiết bị, máy móc vào sản xuất, bảo quản, chế biến và tiêu thụ sản phẩm.

+ củng cố và phát triển các tổ chức dịch vụ nông nghiệp phục vụ cho phát triển sản xuất đi kèm với cơ chế kiểm tra nâng cao chất lượng dịch vụ cung ứng giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản; cung ứng phân bón, thuốc BVTV; dịch vụ làm đất, thu hoạch, tiêu thụ và chế biến sản phẩm nông nghiệp, thủy sản.

+ Liên kết với các cơ sở sản xuất giống uy tín, đảm bảo thương hiệu để áp dụng có chọn lọc những kết quả nghiên cứu về lai tạo giống mới có giá trị kinh tế cao, thích nghi với điều kiện của địa phương. Đồng thời phổ biến và hướng dẫn quy trình canh tác, chăm sóc, thu hoạch, bảo quản cho các hộ nông dân thực hiện qua các mô hình trình diễn thực tế.

*** Giải pháp về vốn**

- Tăng cường tranh thủ các nguồn vốn của Trung ương, của tỉnh; đầu tư của huyện và cơ sở về giống, cơ sở hạ tầng, kỹ thuật để triển khai thực hiện các chương trình, đề án, dự án của ngành nông nghiệp trên cơ sở đúng mục đích, có hiệu quả.

- Vốn tín dụng ưu đãi Nhà nước hỗ trợ cho nhu cầu vay của dân để mở

rộng sản xuất, xây dựng các công trình kỹ thuật phục vụ phát triển vùng sản xuất và mua sắm phương tiện sản xuất, chuyển đổi cơ cấu nghề nghiệp.

- Mở rộng và phát triển kinh tế Hợp tác xã, hỗ trợ phát triển kinh tế trang trại, kinh tế hộ và nhóm hộ trong khu vực sản xuất, bảo quản sơ chế sản phẩm, đưa kinh tế Hợp tác xã, kinh tế trang trại lên chiếm tỷ trọng ngày càng cao trong khu vực sản xuất nguyên liệu.

- Khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực sản xuất nông nghiệp.

*** Giải pháp về đầu tư cơ sở hạ tầng phục vụ nông nghiệp**

Ưu tiên đầu tư thích hợp về cơ sở hạ tầng để phục vụ sản xuất, nhất là những vùng sản xuất hàng hoá tập trung, áp dụng công nghệ cao, sản xuất theo hướng an toàn và những vùng chuyên canh để phát triển sản xuất theo hướng bền vững.

Tranh thủ sự hỗ trợ của trung ương và tỉnh, huy động, khai thác các nguồn vốn ưu tiên đầu tư nâng cấp, sửa chữa, xây dựng mới nhiều công trình hạ tầng thủy lợi, giao thông nông thôn, giao thông nội đồng góp phần tăng năng suất, chất lượng cây trồng và hiệu quả đầu tư, tạo điều kiện chuyển đổi sản xuất nông nghiệp sang chất lượng làm tăng giá trị sản phẩm nông nghiệp.

*** Giải pháp về bảo vệ môi trường**

Tăng cường tuyên truyền, nâng cao nhận thức của người dân trong việc sản xuất nông nghiệp phải đi đôi với bảo vệ môi trường, giúp nâng cao tính thích ứng với những biến đổi xấu của khí hậu. Tổ chức tập huấn cho cán bộ chuyên môn các xã, thị trấn về việc sử dụng thuốc BVTV, quản lý dịch bệnh, sâu hại trên cây trồng và rau màu. Đẩy mạnh tuyên truyền, hướng dẫn nông dân sử dụng đúng thuốc BVTV trong danh mục cho phép và thu gom, xử lý bao bì đúng cách sau khi sử dụng; Khuyến khích người dân sử dụng các chế phẩm sinh học, thân thiện với môi trường. Yêu cầu 100% các khu chăn nuôi tập trung, các trang trại chăn nuôi, các cơ sở giết mổ, chế biến gia súc, gia cầm thực hiện lập cam kết bảo vệ môi trường và nghiêm túc thực hiện việc đánh giá tác động môi trường; khuyến khích, hỗ trợ các cơ sở chăn nuôi tập trung, cơ sở giết mổ chế biến sản phẩm chăn nuôi sử dụng công nghệ hầm khí sinh học Biogas,

các chế phẩm sinh học và đệm lót sinh học. Trong NTTS, áp dụng quy trình nuôi sạch, tiết kiệm nước, phòng ngừa dịch bệnh trong nuôi trồng thủy sản. Kiểm tra, kiểm soát và xử lý kịp thời các trường hợp vi phạm đến môi trường nông nghiệp như: xả rác thải, nước thải vào khu vực sản xuất nông nghiệp làm ảnh hưởng đến kết quả sản xuất và độ an toàn của sản phẩm. Sử dụng các biện pháp kỹ thuật tổng hợp để giảm thiểu ô nhiễm môi trường trong chăn nuôi và nuôi trồng thủy sản.

c. Điều kiện thực hiện

- Tuyên truyền sâu rộng để mọi tổ chức, cá nhân và cộng đồng nắm được chủ trương, chính sách của nhà nước chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp theo hướng phát triển bền vững.

- Kinh phí để đào tạo, bồi dưỡng, xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất nông nghiệp, hỗ trợ nông dân trong việc ứng dụng tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất nông nghiệp.

3.2.3 Nhóm giải pháp về kiểm tra giám sát.

*** Mục tiêu**

Đảm bảo thực hiện có hiệu quả, đúng theo quy định của pháp luật về đất đai, nông nghiệp.

*** Nội dung**

- Xây dựng kế hoạch kiểm tra, giám sát quá trình tổ chức thực hiện đề án, chương trình, kế hoạch của tỉnh, của huyện đối với các chi, đảng bộ, HĐND, UBND các xã, thị trấn trên địa bàn.

- Thanh tra trách nhiệm của người đứng đầu đơn vị, cấp ủy, chính quyền các địa phương trong quản lý chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp đặc biệt là công tác quản lý đất đai.

- Đẩy mạnh công tác kiểm tra, giám sát của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức hội đoàn thể hai cấp huyện trong quá tổ chức, triển khai thực hiện các nội dung của chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp nhằm kịp thời phát hiện, phản ánh cho cấp có thẩm quyền những vấn đề chưa phù hợp hoặc có biểu hiện sai trái trong quá trình triển khai thực hiện.

**** Điều kiện thực hiện***

Nâng cao chất lượng công tác giám sát, phát huy vai trò của Mặt trận tổ quốc, các tổ chức hội, đoàn thể và người dân trong việc theo dõi, phát hiện các sai phạm trong lĩnh vực đất đai, nông nghiệp

Tiểu kết chương 3

Từ yêu cầu của công cuộc đổi đất nước, huyện Ninh Giang cần đẩy mạnh hơn nữa công tác nâng cao hiệu quả quản lý về chuyển dịch CCKT nông nghiệp nhằm đem lại bộ mặt mới cho kinh tế nông nghiệp huyện. Quá trình chuyển dịch CCKT nông nghiệp phải dựa trên những mục tiêu, quan điểm của Đảng và phải xuất phát từ thực tiễn để xây dựng mục tiêu và chiến lược mới phù hợp với điều kiện của địa phương.

Xuất phát từ những cơ sở lý luận và thực tiễn của công tác QLNN về chuyển dịch CCKT nông nghiệp, học viên đã đưa ra hệ thống các giải pháp và được nhóm thành các nhóm giải pháp cơ bản nhằm thực hiện phương hướng đã đặt ra. Các giải pháp này là một chuỗi hệ thống có mối liên hệ mật thiết với nhau, do đó để thực sự phát huy hết hiệu quả chúng cần được tiến hành thực hiện đồng bộ trên cơ sở nhận thức toàn diện và đúng đắn về tình hình thực tiễn của địa phương cũng như của cả nước, góp phần nâng cao hiệu quả công tác QLNN về chuyển dịch CCKT nông nghiệp, đáp ứng được yêu cầu của thời kỳ hội nhập kinh tế quốc tế và công cuộc đổi mới đất nước hiện nay.

KẾT LUẬN CHUNG

Trải qua quá trình dài thực hiện công cuộc đổi mới toàn diện đất nước, nền kinh tế nước ta đã đạt được những thành tựu quan trọng và có ý nghĩa lịch sử. Nền kinh tế nước ta đạt tốc độ tăng trưởng cao và liên tục trong nhiều năm trở lại đây, hạ tầng nông thôn ngày càng phát triển, đời sống của nhân dân ngày càng được nâng lên.

Những thành tựu đó xuất phát từ quan điểm, đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách phát triển kinh tế hợp lý, đúng đắn của Nhà nước, nhất là trong chuyển dịch cơ cấu kinh tế, khẳng định đường lối đổi mới đúng đắn của Đảng và Nhà nước. Đối với chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp đã triển khai nhiều cơ chế chính sách có tính đột phá như cơ chế khoán, phát triển kinh tế nông hộ, đổi mới mô hình sản xuất.

Thực hiện những chủ trương đó, huyện Ninh Giang đã, đang và không ngừng phấn đấu đẩy mạnh phát triển kinh tế nông nghiệp, biến những đặc điểm tự nhiên vốn có trở thành thế mạnh riêng có của huyện. Đặc biệt trong những năm gần đây đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, tăng cường tập trung vào những điểm mạnh, tăng cường chuyên canh, sản xuất theo hướng dịch vụ hàng hóa. Điều này đã đưa kinh tế - xã hội của huyện Ninh Giang có sự phát triển mạnh mẽ và toàn diện. Cơ cấu kinh tế đã có những bước chuyển biến tích cực, từ một huyện thuần nông đã chuyển sang cơ cấu kinh tế mới là công nghiệp - dịch vụ - du lịch - nông nghiệp. Đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân ngày một nâng cao

Tuy nhiên, những thành tựu này còn nhỏ lẻ, manh mún, hiệu quả và sức cạnh tranh chưa cao, chưa đáp ứng yêu cầu trong tiến trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp nông thôn. Khi thực hiện chuyển đổi, huyện Ninh Giang gặp một số khó khăn do năng suất cây trồng, vật nuôi thấp, thu nhập của người dân không ổn định. Các hộ gia đình có nhu cầu chuyển đổi nhưng lúng túng trong việc chủ động liên hệ với chính quyền địa phương để có phương án sản xuất mang lại hiệu quả kinh tế cao. Sản phẩm nông nghiệp của huyện còn đơn điệu, chưa đáp ứng đòi hỏi ngày càng cao của người tiêu dùng Thủ đô. Ngoài ra, do chưa xây dựng được chuỗi sản xuất, chế biến, tiêu thụ sản phẩm nên đầu ra cho sản phẩm nông nghiệp còn bấp bênh và thiếu tính bền vững.

Do vậy đẩy mạnh và nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp theo hướng phát triển bền vững là giải pháp quan trọng để tiến hành công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước nói chung và huyện Ninh Giang nói riêng.

HỌC VIÊN

Hà Thị Lan Anh

